



DỰ ÁN QUẢN LÝ TỔNG HỢP HOẠT ĐỘNG ĐÀM PHÁ DỰ ÁN IMOLA II

TRÍCH YẾU

HỘI THẢO KỸ THUẬT LẦN THỨ VII

DỰ ÁN IMOLA GIAI ĐOẠN I & II
NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT & THÁCH THỨC
KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG, DU LỊCH
BỀN VỮNG VÀ ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ

Huế, 19 tháng 11 năm 2011



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ



DỰ ÁN IMOLA

TRÍCH YẾU

HỘI THẢO KỸ THUẬT LẦN THỨ VII

DỰ ÁN IMOLA GIAI ĐOẠN I & II
NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT & THÁCH THỨC
KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG, DU LỊCH
BỀN VỮNG VÀ ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ

Huế, 19 tháng 11 năm 2011

MỤC LỤC

- 1 Tổng quan về Dự án IMOLA
Ông **Hoàng Ngọc Việt** (Giám đốc, Dự án IMOLA)
- 2 Tổng quan kế hoạch quản lý đầm phá Tổng hợp Tam Giang – Cầu Hai
Các kiến nghị ban đầu của Kế hoạch Quản lý Đầm phá Tổng hợp
Triển vọng tương lai của Dự án IMOLA giai đoạn II kéo dài
Tiến độ các kết quả của Dự án IMOLA II kéo dài & hợp phần phi tập trung
Ông **Massimo Sarti** (Điều phối viên, Dự án IMOLA)
- 3 Cơ sở dữ liệu GIS của IMOLA và các kế hoạch
Cô **Lê Thị Hạnh** (Cán bộ Quản lý cơ sở dữ liệu GIS, Dự án IMOLA)
- 4 Mô hình thủy động lực học Tam Giang – Cầu Hai
Ông **Gianfranco Castelli** (đại diện cho Ca' Vendramin Foundation, Vùng Veneto, Ý)
- 5 Phân vùng chức năng và quản lý các hoạt động trên đầm phá Tam Giang – Cầu Hai
Ông **Bùi Đức Bé** (Cán bộ Kỹ thuật, Dự án IMOLA)
- 6 Ứng dụng GIS và kiến thức bản địa trong đánh giá tính tổn thương lũ lụt: nghiên cứu ở xã Hương Phong, huyện Hương Trà
Ông **Trần Văn Giải Phóng**, Tư vấn Dự án IMOLA
- 7 Du lịch nông thôn bền vững: một phương án có thể thực hiện được ở Đầm phá Tam Giang Cầu Hai
Ông **Fabio Cappiello**, Evivatour Vietnam
8. Phát triển rừng ngập mặn Rủ Chá bằng mô hình ao nuôi sinh thái
Ông **Phạm Ngọc Dũng** (Hội Khoa học & Kỹ thuật Lâm nghiệp, Tư vấn IMOLA)
9. Mô hình Du lịch nông thôn ở Ý
Bà **Maria Chiara Minciarorico**, Câu lạc Bộ Du lịch Ý
- 10 Đầu tư vào các nước đang phát triển (Cơ hội cho quan hệ đối tác công – tư)
Ông **Ornello Boscolo**, Đại diện thay mặt Chủ tịch Phòng Thương Mại Rovigo, Vùng Veneto
- 11 Nuôi ngao ở Việt Nam để xuất khẩu
Tiến sỹ **Francesco Paesanti**, nhà sinh học, chuyên gia nuôi hai mảnh
- 12 Các khu dự trữ sinh quyển tại Việt Nam: phương án thúc đẩy du lịch nông thôn
Ông **Nguyễn Hoàng Trí**, Tổng thư ký UBQG Chương trình Con người & Sinh Quyển Việt Nam



**Dự Án Quản Lý Tổng Hợp Các Hoạt Động Đầm Phá Thừa Thiên Huế - IMOLA
GCP/VIE/029/ITA**

Integrated Management of Lagoon Activities of Thua Thien Hue Province - IMOLA
Project

53 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam. Tel +84.54.3831387– Fax +84.54.3831587

Email: imola.project@gmail.com http:// www.imolahue.org

**“Dự án IMOLA Giai đoạn I & II:
Những điểm nổi bật và thách thức
Kiểm soát môi trường, du lịch bền vững và đối tác công – tư”**

***Hội thảo Kỹ thuật Một ngày của Dự án IMOLA
(Quản lý Tổng hợp các Hoạt động Đầm phá)
Huế, Việt Nam, ngày 19 tháng 11 năm 2011***

Ngày: Thứ bảy, ngày 19 tháng 11 năm 2011

Địa điểm: Phòng họp lớn, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, 16, Lê Lợi, Huế, Việt Nam

Dịch vụ cung cấp: Dịch đuổi, thu xếp đi lại, đặt khách sạn, giấy phép cư trú và visa cho khách quốc tế.

Ban thư ký hội thảo: Cô Phạm Thị Liên Hoa, Trợ lý Dự án kiêm Cán bộ Hành chính, Văn phòng IMOLA, tại Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế, 53, Nguyễn Huệ, Tp. Huế. Điện thoại: +84 54 3831387 (ext. 0), Fax: +84 54 3831587, E-mail: imola.project@gmail.com

Mục tiêu hội thảo: Hội thảo Kỹ thuật lần thứ 7 của IMOLA nhằm mục đích đưa ra các kết luận sau sáu năm hoạt động không gián đoạn, và giới thiệu những nét nổi bật của dự án về vấn đề quy hoạch/lập kế hoạch và quản lý (cơ sở dữ liệu GIS, mô hình thủy động lực học, nâng cao năng lực cộng đồng và đồng quản lý nguồn lợi) cũng như thảo luận những khó khăn làm hạn chế/tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế xã hội đầm phá.

Kế hoạch quản lý đầm phá tổng hợp gồm bốn mục tiêu gồm: hạn chế tác động tiêu cực do NTTS, giảm tác động khai thác thủy sản, củng cố cộng đồng và cải thiện môi trường. Các yếu tố bổ sung không kém quan trọng đó là làm thế nào để duy trì việc kiểm soát việc thay đổi môi trường, những yếu tố thay đổi của khí hậu và làm thế nào xúc tiến các hoạt động kinh tế thông qua mối quan hệ đối tác công – tư, vấn đề này cần khai thác thêm phục vụ phát triển kinh tế cũng như tìm kiếm các sinh kế thay thế.

Để thảo luận các vấn đề trên, Dự án IMOLA phối hợp với Văn phòng FAO và Đại sứ quán Ý, đại diện của Nhà Tài Trợ tổ chức Hội thảo Kỹ thuật IMOLA lần thứ 7, có sự tham gia của các Bên liên quan ở trong nước và các đối tác quốc tế tiềm năng để trao đổi các ý tưởng chung và triển vọng từ những kết quả tích cực của dự án.

Hội thảo sẽ bao gồm các bài trình bày tham luận chính thức và các phiên thảo luận bàn tròn, do Chính quyền Tỉnh, Ngài Đại sứ Ý và Đại diện của FAO chủ trì. Hợp báo sẽ công bố kết quả hội thảo cho công chúng.

Thành phần tham dự: một số cơ quan cơ quan trong tỉnh và đại diện các dự án quốc tế được mời tham dự bao gồm:

1. Đại diện Văn phòng Chính phủ
2. Đại diện Bộ Ngoại giao
3. Đại diện Bộ Kế hoạch & Đầu tư
4. Đại diện Bộ Tài nguyên & Môi trường
5. Đại diện Bộ Tài chính
6. Đại diện Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
7. Đại diện Viện chính sách chiến lược nông nghiệp & PTTNT
8. Đại diện Cục Khai thác & Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản
9. Đại diện Viện Tài nguyên Môi trường Biển Hải Phòng
10. Đại diện Thường vụ Tỉnh uỷ
11. Đại diện Thường trực Hội Đồng Nhân dân tỉnh
12. Uỷ Ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế
13. Văn phòng UBND tỉnh
14. Ban Chỉ đạo Dự án IMOLA
15. Đại diện Chính phủ Ý
16. Đại diện Đại sứ Ý tại Việt Nam
17. Đại diện Văn phòng Hợp tác Phát triển Ý, Hà Nội
18. Đại diện của UNESCO tại Việt Nam
19. Chủ tịch Câu lạc Bộ Tour Ý
20. Chủ tịch Phòng Thương Mại, Rovigo, Ý
21. Đoàn đại biểu các nhà doanh nghiệp từ Vùng Veneto
22. Chủ tịch Tổ chức Ca' Vendramin
23. Chủ tịch Hiệp hội Đồng bằng Châu thổ sông Po
24. Đại diện từ TCAP, Văn phòng trụ sở FAO Rome, Ý
25. Đại diện Văn phòng FAO vùng, Bangkok, Thái Lan
26. Đại diện Văn phòng FAO tại Việt Nam
27. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (DARD)
28. Sở Kế hoạch và Đầu tư (DPI)
29. Sở Khoa học Công nghệ (DOST)
30. Sở Lao động Thương Binh Xã hội (DOLISA)
31. Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch
32. Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE)
33. Chi cục Biển, Đảo và Đầm phá
34. Sở Giao thông Vận tải
35. Sở Ngoại vụ (DOFA)
36. Công an PA35, PA17
37. Hội Phụ nữ Thừa Thiên Huế
38. Hội Nông dân Thừa Thiên Huế
39. Trung tâm Khí tượng Thủy văn Huế
40. Chi cục Khai thác & Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản
41. Chi cục Nuôi trồng Thủy sản
42. Trung tâm Khuyến Nông Lâm Ngư
43. Chi cục Thủy lợi và Phòng Chống Lụt Bão
44. Chi cục Thú Y
45. Chi cục Kiểm Lâm

46. Tỉnh hội Nghề cá
47. Viện Địa chất Biển, Hội đồng Nghiên cứu Trung ương, Bologna
48. SVB Engineering Studio, Faenza, Ý
49. Hội Khoa học và Kỹ thuật Lâm nghiệp
50. Đại học Huế
51. Đại học Khoa học và các khoa
52. Đại học Nông Lâm và các khoa
53. Các đại diện huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc, Hương Trà
54. Đại diện các xã quan tâm
55. Dự án Sinh kế Thủy sản - FAO
56. Dự án Phát triển Nông thôn Huyện Quảng Điền
57. Dự án FSPS II (DANIDA)
58. Dự án NAV
59. Ban Quản lý Dự án IMOLA
60. Điều phối viên IMOLA, Cán bộ IMOLA
61. Đài truyền Hình HVTV, TRT, các cơ quan báo chí địa phương và trung ương

Dự án IMOLA Giai đoạn I & II:

“Những điểm nổi bật và thách thức”

Kiểm soát môi trường, du lịch bền vững và quan hệ đối tác công - tư

Huế, Việt Nam, ngày 19 tháng 11 năm 2011

CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO KỸ THUẬT

07.30-08.00	Đăng ký đại biểu	Ban thư ký hội thảo
08.00-08.05	Diễn văn khai mạc	P. Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Ông Lê Trường Lưu
08.05-08.10	Diễn văn chào mừng	Ngài Đại sứ Ý, Mr. Lorenzo Angeloni
08.10-08.20	Diễn văn chào mừng đại biểu và giới thiệu	Trưởng Đại diện FAO tại Việt Nam, Bà Yuriko Shoji

PHIÊN 1	Kế hoạch Quản lý Đầm phá Tổng hợp: Tổng quan và những nội dung chính	
08.20-08.35	Tổng quan về Dự án IMOLA	Giám đốc Dự án, Ông Hoàng Ngọc Việt
08.38-08.50	Kế hoạch Quản lý Tổng hợp Tam Giang – Cầu Hai – Tổng quan và các nội dung chính	Ông Massimo Sarti , Điều phối viên Dự án IMOLA
PHIÊN 2	Các điểm nhấn của IMOLA: Các công cụ hỗ trợ quyết định	
08.50-09.05	Cơ sở dữ liệu GIS của IMOLA và các kế hoạch	Cô Lê Thị Hạnh (Quản lý Hệ thống GIS)
09.05-09.20	Mô hình thủy động lực học Tam Giang – Cầu Hai	Ông Gianfranco Castelli (Công ty Te.Ma, đại diện cho Ca' Vendramin Foundation)
09.20-09.35	Sắp xếp lại ngư cụ, quy hoạch phân vùng và các phương án quy hoạch, kinh nghiệm từ Cầu Hai, Hương Trà và Phú Vang	Ông Bùi Đức Bé (Cán bộ Kỹ thuật của IMOLA)
09.35-09.50	Đánh giá tác động lũ lụt ở huyện Hương Trà: thử nghiệm thực địa và ứng dụng phục vụ quy hoạch trong thực tiễn	Ông Trần Văn Giải Phóng (Tư vấn của Dự án IMOLA)

09.50-10.10	Nghỉ giải lao	
-------------	---------------	--

PHIÊN 3		
Sinh kế thay thế: Du lịch bền vững		
10.10-10.25	Du lịch nông thôn bền vững: một phương án có thể thực hiện được ở Đầm phá Tam Giang Cầu Hai	Ông Fabio Cappiello , Evivatour Vietnam
10.25-10.40	Mô hình du lịch nông thôn của Ý	Bà Maria Chiara Minciarori , Câu lạc bộ Tour Ý
10.40-10.55	Tái tạo rừng ngập mặn Rú Chá & mô hình nuôi sinh thái	Ông Phạm Ngọc Dũng , Hội Khoa học & Kỹ thuật Lâm nghiệp Thừa Thiên Huế

10.55-11.25	Thảo luận toàn thể	Hướng dẫn thảo luận: Ông Massimo Sarti , Điều phối viên & Ông Hoàng Ngọc Việt , Giám đốc
-------------	--------------------	--

PHIÊN 4		
Sinh kế thay thế: Ngành thủy sản		
11.25-11.40	Đầu tư vào các nước đang phát triển (Cơ hội cho quan hệ đối tác công – tư)	Ông Ornello Boscolo , Đại diện thay mặt Chủ tịch Phòng Thương Mại Rovigo, Vùng Veneto
11.40-11.55	Nuôi ngao ở Việt Nam để xuất khẩu	Tiến sỹ Francesco Paesanti , nhà sinh học, chuyên gia nuôi hai mảnh
11.55-13.30	Nghỉ ăn trưa	

Phiên 5		
Triển vọng tương lai của IMOLA Giai đoạn II và Dự án Hợp tác Phi tập trung		
13.30-13.45	Quản lý đất ngập nước và đầm phá. Kinh nghiệm của Deltamed	Ông Lino Tosini (Tổ chức Ca' Vendramin Foundation)
13.45-14.00	Con người và chương trình Sinh Quyền/Các khu dự trữ sinh quyển tại Việt Nam: phương án thúc đẩy du lịch nông thôn	Ông Nguyễn Hoàng Trí , UBQG MAB, Việt Nam
14.00-15.30	Thảo luận bàn tròn: các điểm nhấn và kiến nghị của các bên liên quan	Hướng dẫn thảo luận: Ngài Đại sứ Ý tại Việt Nam, Ông Lorenzo Angeloni và Bà Yuriko Shoji , Đại diện FAO tại Việt Nam

Phiên 6		
Tóm tắt và kết luận		
15.30-15.40	Bế mạc	Ông Lê Trường Lưu (P.Chủ tịch UBND tỉnh)
15.40-16.00	Giải lao	
16.00-17.00	Họp báo	Ông Lorenzo Angeloni , Ngài đại sứ Ý tại Việt Nam, Chủ tọa

1. Báo cáo Tổng quan Dự án

Ông **Hoàng Ngọc Việt** (Giám đốc Dự án IMOLA)

BÁO CÁO

Kết thúc thực hiện Giai đoạn II của Dự án
Quản lý Tổng hợp các hoạt động Đầm phá Thừa Thiên Huế

I. Tổng quan dự án

Dự án Quản lý Tổng hợp các hoạt động Đầm phá Thừa Thiên Huế giai đoạn II do Chính phủ Ý tài trợ thông qua Tổ chức FAO được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dự án do FAO tài trợ tại công văn số 656/TTg-QHQT ngày 04/5/2009 và được UBND phê duyệt tại Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 01/7/2009 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt dự án Quản lý Tổng hợp các hoạt động đầm phá ở tỉnh Thừa Thiên Huế - Giai đoạn II do tổ chức Nông nghiệp và Lương thực liên Hiệp Quốc Tài trợ.

1. Mục tiêu tổng thể

Dự án Quản lý Tổng hợp các hoạt động Đầm phá Thừa Thiên Huế giai đoạn II (IMOLA – Giai đoạn II) là quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên vùng đầm phá Tam Giang Cầu Hai để tiếp tục hỗ trợ sinh kế bền vững cho người dân sống phụ thuộc vào nguồn lợi, lấy đó làm nguồn thu nhập, việc làm và an ninh lương thực.

2. Thời gian Thực hiện dự án

Từ Tháng 4/2009 đến tháng 4/2011

3. Nguồn vốn

- Tổng nguồn vốn tài trợ ODA không hoàn lại: 1.000.000 USD do Chính phủ Ý tài trợ.
- Tổng nguồn vốn đối ứng: 100.000 USD và bằng hiện vật gồm cơ sở vật chất văn phòng dự án và cán bộ hình thành trong văn kiện (BQL Dự án).

4. Địa điểm thực hiện dự án

Huyện Phú Lộc, Huyện Quảng Điền, Huyện Hương Trà tỉnh Thừa Thiên Huế.

II. Kết quả thực hiện giai đoạn II của dự án Mục tiêu của dự án Quản lý Tổng hợp các hoạt động Đầm phá Thừa Thiên Huế giai đoạn II là quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên vùng đầm phá Tam Giang Cầu Hai để tiếp tục hỗ trợ sinh kế bền vững cho người dân sống phụ thuộc vào nguồn lợi, lấy đó làm nguồn thu nhập, việc làm và an ninh lương thực. Để đạt được mục tiêu này trong giai đoạn II của dự án, Kế hoạch Quản lý Đầm phá tổng hợp được thực hiện thí điểm dưới hình thức giao quyền khai thác thủy sản cho các Chi hội Nghề cá. Mục tiêu trước mắt cơ bản đã đạt được thông qua việc thực hiện ba hợp phần chính (các đầu ra và tiểu đầu ra) được hỗ trợ thông qua một số hoạt động, tất cả đều nhằm hướng đến việc thực hiện và củng cố kế hoạch quản lý đầm phá tổng hợp mà Ủy Ban Nhân Dân tỉnh cần xem xét phê duyệt và ban hành.

Dự án đã thực hiện hoàn thành các nội dung phụ lục Văn kiện đã được ký kết như sau:

1. Các Mục tiêu đề ra:

Về mục tiêu xây dựng và thực hiện thí điểm Kế hoạch Quản lý Đầm phá Tổng hợp, kế hoạch

được xây dựng thông qua sự đồng thuận của các bên liên quan trong đó cân bằng việc sử dụng bền vững nguồn lợi đầm phá với mưu sinh và nhu cầu của đối tượng sử dụng nguồn lợi

- Kế hoạch QLĐPTH được xây dựng và phê chuẩn thông qua một loạt các phiên tham vấn và đưa ra một bộ kiến nghị khả thi cho việc sử dụng bền vững nguồn lợi đầm phá

- Một cơ sở dữ liệu địa lý hỗ trợ việc ra quyết định và hoạch định chính sách cũng như giám sát quản lý nguồn lợi đầm phá được chuẩn bị và chuyển giao cho các sở liên quan

- Tính khả thi và tác động môi trường và kinh tế xã hội của ít nhất 10 hành động hướng tới KHQLĐPTH được thí điểm và đánh giá về các vấn đề khai thác, nuôi trồng thủy sản, môi trường, nguồn lợi thủy sản, qui hoạch vùng, tiểu vùng chức năng, sắp xếp nò sáo, đáy, rở ...

- Bài học về đồng quản lý đầm phá có sự tham gia của các CHNC cơ sở và chính quyền địa phương được rút ra và chia sẻ với tỉnh Thừa Thiên Huế và các tỉnh khác.

Trong bốn mục tiêu của dự án hiện nay đã cơ bản hoàn thành, chỉ mục tiêu đưa ra KHQLĐPTH đã hoàn thành được 90%.

2. Kết quả thực hiện các hoạt động:

Đầu ra 5 Kế hoạch Quản lý Đầm phá Tổng hợp được xây dựng thông qua quá trình đối thoại và tham gia của người sử dụng tài nguyên và các bên liên quan, tăng cường điều phối để thực hiện kế hoạch. Gồm có 9 hoạt động. Dự án đã hoàn thành 7 hoạt động bao gồm : Hoạt động 5.1, hoạt động 5.2 Hoạt động 5.4, hoạt động 5.5., hoạt động 5.6, hoạt động 5.7, hoạt động 5.9. **(Có danh mục kết quả thực hiện các hoạt động kèm theo)**

Trong đầu ra 5, hoạt động 5.3 Liên quan đến việc xây dựng và thông qua kế hoạch phân vùng chung cho đầm phá được xây dựng sẵn có với quy mô toàn đầm phá cũng như quy mô huyện và cấp xã hiện nay đã xây dựng ở cấp huyện và xã, còn quy hoạch vùng đầm phá đang được chuẩn bị hoàn thành 90%.

Hoạt động 5.8 KHQLĐPTH cuối cùng được xây dựng thông qua tham vấn ý kiến các bên liên quan sẽ hoàn thành vào cuối giai đoạn II và sau đó, sẽ trình UBND tỉnh để chính thức thông qua và Bổn đề xuất bị để hỗ trợ cho việc thực hiện KHQLĐPTH. Hiện nay đã hoàn thành 70 %.

Đầu ra 6. Liên quan đến việc tăng cường thực hiện KHQLĐPTH thông qua xây dựng các chương trình thí điểm ở các vùng tập trung chính. Gồm có 3 tiểu đầu ra.

Tiểu đầu ra 6.1 Vận hành đồng quản lý nghề cá ở ít nhất 6 xã thông qua hỗ trợ về mặt tổ chức các CHNC, tổ chức thể chế và thực hiện đánh giá các bên liên quan. Có 9 hoạt động đã thực hiện hoàn thành 6 hoạt động bao gồm Hoạt động 6.1.1, Hoạt động 6.1.4 , Hoạt động 6.1.5, Hoạt động 6.1.6 , Hoạt động 6.1.8, Hoạt động 6.1.9., hoạt động 6.1. Còn hoạt động 6.1.2 đã thực hiện được 16/22 CHNC có tỷ lệ ngư dân tham gia hơn 80%, Hoạt động 6.1.3 hiện nay đã có 20/22 CHNC có quy chế quản lý nguồn lợi và 20/20 CHNC đã hoàn thành quy hoạch phân vùng đạt 95 % . Hoạt động 6.1.7 Kế hoạch sắp xếp lại ngư cụ đã thực hiện hoàn thành ở Phú Lộc, riêng huyện Hương trà đã thực hiện được 95%. Hiện nay đang triển khai tại huyện Phú Vang về sắp xếp nò sáo và hỗ trợ thực hiện Qui hoạch đầm Sam chuồn.

Tiểu đầu ra 6.2. Tăng cường phát triển và thử nghiệm nuôi trồng thủy sản bền vững đang tiếp tục thực hiện có 4 hoạt động gồm: Hoạt động 6.2.1 - Thử nghiệm các mô hình thí điểm nuôi ghép tổng hợp cá đã hoàn thành.

Hoạt động 6.2.2 - Thử nghiệm một vài mô hình nuôi loài hai mảnh ở các xã cửa biển ở đầm phá nhằm khai thác các hình thức nuôi trồng thủy sản bền vững hơn. hoàn thành nghiên cứu khả thi 40% .

Tiểu đầu ra 6.3. Liên quan đến Hỗ trợ quan trắc môi trường đầm phá, bảo vệ và cải thiện môi trường cụ thể là tăng cường và thí điểm ở các khu vực đầm phá. đã xây dựng xác định các

vùng bảo tồn, phân ranh giới bản đồ, giao cho các Chi hội Nghề cá, thiết kế các quy định quản lý và thực hiện việc bảo vệ bãi giống bãi đẻ ở các khu vực bãi triều, khu vực bãi triều cạn ở vùng Lộc Bình, mở rộng ra phía tây Cầu Hai, vùng rong câu ở Vinh Hiền, vùng rừng ngập mặn còn sót lại Rú Chá (Hương Phong). Các biện pháp bảo tồn ở các khu vực này đã hoàn thành.

Riêng hoạt động 6.3.3 về việc hỗ trợ việc thực hiện quan trắc môi trường đầm phá do thiếu kinh phí và nguồn lực nên đề xuất hủy tại cuộc họp ba bên lần thứ tư.

Tiêu đầu ra 6.4 Nâng cao năng lực công nghệ và cơ sở dữ liệu địa lý trong việc sử dụng các công cụ không gian trong quản lý và quy hoạch đầm phá tổng hợp đã hoàn thành Cơ sở dữ liệu địa lý về nuôi trồng thủy sản toàn diện trên toàn bộ đầm phá sẵn có cho SNNPTNT và UBND tỉnh và được sử dụng cho công tác quy hoạch nuôi trồng thủy sản và Cơ sở dữ liệu địa lý về khai thác thủy sản của ít nhất 7 xã sẵn có cho SNNPTNT và UBND và được sử dụng phục vụ quy hoạch khai thác thủy sản còn việc chuyển giao công nghệ GIS cho cán bộ huyện và xã chỉ đạt được 33%.

Đầu ra 7 Liên quan đến việc phổ biến thông tin và chia sẻ kinh nghiệm của dự án trong nước và quốc tế về KHQLĐPTH và việc thực hiện kế hoạch đang được tiếp tục thực hiện.

3. Đánh giá kết quả hoạt động giai đoạn II dự án

Những thành tựu đạt được:

Về thực hiện đồng quản lý: Dự án đã hỗ trợ nâng cao năng lực kỹ thuật hỗ trợ cho 22 CHNC ở các xã mục tiêu của dự án để vận hành đồng quản lý đầm phá có sự tham gia của UBND xã và các bên liên quan. Ở tất cả các xã mục tiêu của dự án đều đã có ban đồng quản lý đầm phá bước đầu đã tạo chuyển biến tốt trong nhận thức và quản lý có hiệu quả vùng đầm phá đã được giao quyền. Tất cả các chi hội nghề cá này đều đã có Điều lệ, Ban Chấp hành, danh sách hội viên, và được tỉnh hội nghề cá phê duyệt, tỷ lệ đại diện ngư dân ở địa bàn CHNC hoạt động là 75%.

Để giúp các CHNC có thể quản lý đầm phá “theo khu vực”, trong giai đoạn II, Dự án đã chú trọng đến xác định và cắm mốc ranh giới giữa các CHNC và đang phân vùng, là cơ sở để giao quyền sử dụng mặt nước cho các CHNC địa phương và các hoạt động đồng quản lý trong tương lai.

Quản lý và quy hoạch khai thác thủy sản: dự án đã và đang tiến hành phân vùng và quy hoạch mặt nước hai khu vực đầm phá quan trọng đó là đầm Cầu Hai (huyện Phú Lộc) và châu thổ sông Hương bao gồm các xã của huyện Hương Trà và Quảng Công (huyện Quảng Điền). Các kế hoạch phân vùng và chi tiết thực hiện bao gồm kế hoạch giảm số lượng ngư cụ cố định đã được tham vấn các cấp chính quyền và ý kiến đóng góp được đưa ra cho các huyện vào tháng 9/2010. Kế hoạch tái tổ chức sắp xếp lại các ngư cụ ở đầm Cầu Hai đã giảm được khoảng từ 40-50% số lượng và kích cỡ ngư cụ, do đó đã làm giảm cường lực khai thác và tác động tích cực đến sản lượng về lâu dài.

Việc gỡ bỏ và tổ chức lại hoạt động thủy sản theo các vùng chức năng đã được thực hiện thông qua hoạt động của các Chi hội Nghề cá, quá trình này đã được tài liệu hóa hoàn toàn thông qua việc lập bản đồ có sự tham gia của các bên, với các bước và giai đoạn tái sắp xếp khác nhau đã được lưu giữ vào cơ sở dữ liệu địa lý nghề cá để tiếp tục cập nhật và giám sát trong tương lai. Việc sắp xếp lại ngư cụ cố định do IMOLA thực hiện đã phù hợp với kế hoạch sắp xếp nò sáo trên vùng đầm phá của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Dự án đã hỗ trợ kỹ thuật về sắp xếp lại nò sáo ở Phú Lộc và huyện Hương Trà đã đạt được hiệu quả đáng khích lệ bước đầu giảm cường lực khai thác các hệ sinh thái, nguồn lợi thủy sản dần

được phục hồi trong đầm phá. Dự án đã gần như hoàn thành phân vùng và quy hoạch mặt nước hai khu vực đầm phá quan trọng đó là đầm Cầu Hai (huyện Phú Lộc) và châu thổ sông Hương bao gồm các xã của huyện Hương Trà và Quảng Công (huyện Quảng Điền).

Về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: Dự án đã hoàn thành điều tra nuôi trồng thủy sản toàn diện trên đầm phá Tam Giang - Cầu Hai bao gồm 32 xã và khảo sát điều tra ao nuôi trồng thủy sản trên cát đã hoàn thành vào tháng 11, năm 2010 và xây dựng các bản đồ chuyên đề về nuôi trồng thủy sản như phân bố ao nuôi, phương pháp nuôi, số lượng mùa vụ, kỹ thuật cải tạo ao, đặc điểm của hệ thống lấy nước và thải nước, mật độ thả giống và dịch bệnh ...thông qua đó đã đề xuất các kiến nghị và phương án quy hoạch gồm giảm diện tích, cải thiện lưu thông nước, tái tạo môi sinh ở các ao chuyển đổi và giảm ô nhiễm môi trường.

Việc điều tra xây dựng cơ sở dữ liệu GIS về NTTS và các bản đồ chuyên đề về đầm phá góp phần cho công tác qui hoạch và quản lý đầm phá.

Hỗ trợ quan trắc môi trường và phân vùng các khu bảo vệ: Dự án đã xây dựng thí điểm các phương án quy hoạch để thực hiện bảo vệ và bảo tồn môi trường bao gồm xác định các vùng bảo tồn, bảo vệ phân ranh giới bản đồ, thiết kế các quy định quản lý và thực hiện việc bảo vệ bãi giống bãi đẻ.

Dự án đã điều tra tổng thể nguồn lợi thủy sản bao gồm trữ lượng, các giống loài thủy sản, thảm thực vật, các loại rong trên toàn vùng đầm phá Thừa Thiên Huế.

Xây dựng thực hiện thí điểm khu vực bảo vệ bãi giống bãi đẻ ở khu vực bãi triều, bãi triều cạn ở Lộc Bình, vùng rong câu ở Vinh Hiền và rừng ngập mặn Rú Chá ở Hương Phong tạo tiền đề để thực hiện quy hoạch các vùng bảo vệ và bảo tồn nguồn gen trên toàn vùng Đầm phá TTHuế. Việc đánh giá tổng quan tất cả các điểm bảo tồn tiềm năng ở Tam Giang - Cầu Hai. Kết quả của nghiên cứu này là nền tảng để quy hoạch khu vực bảo vệ ở đầm phá.

Dự án đã phối hợp với công ty Te.Ma nghiên cứu mô hình thủy động học đầm phá và lưu tốc dòng chảy cũng như vấn đề chinh trị cửa Biển Tư Hiền là một trong những nội dung có ý nghĩa quan trọng để đánh giá tác động của việc trao đổi nước vùng đầm phá và phục vụ việc chinh trị cửa Biển Tư Hiền trong tương lai.

Những hạn chế trong quá trình thực hiện dự án:

- Hệ thống Thông tin Địa lý (GIS) về hệ định vị, VN2000 được xem là hệ tọa độ quốc gia của Việt Nam, nhưng hiện nay dự án đang sử dụng phần mềm GIS theo tiêu chuẩn hệ tọa độ Quốc tế nhưng vẫn chưa được chuyển đổi sang hệ tọa độ quốc gia VN2000 làm hạn chế các ban ngành và các địa phương trong ứng dụng và thừa kế sử dụng quản lý sử dụng. Hiện nay đang phối hợp các đơn vị liên quan để nghiên cứu biên soạn phần mềm để chuyển đổi sang hệ tọa độ VN2000.
- Một số hoạt động đã được hoàn thành theo báo cáo của Cố vấn trưởng Dự án nhưng chưa tổ chức đánh giá độc lập nên việc xác định hiệu quả của từng hoạt động tác động đến vùng hưởng lợi còn gặp khó khăn chưa cụ thể.
- Sản phẩm tư vấn các hoạt động chưa được đánh giá theo các chỉ số, một số hoạt động còn trùng lặp với quá trình hoạt động của các dự án khác và các hoạt động thường xuyên của ngành (như các hoạt động nuôi trồng thủy sản).
- Việc điều phối và quản lý phân bổ tài chính chưa bám sát khung logic các hoạt động của phụ lục văn kiện dự án, vì vậy một số hoạt động không có kinh phí hoặc không đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động theo trong Văn kiện IMOLA II.
- Nguồn kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động mang tính chất kỹ thuật (như phân vùng, cắm mốc, các mô hình ...) và hỗ trợ nguồn lực tài chính, cơ sở trang thiết bị phương tiện vật chất cho các Chi hội Nghề cá còn hạn chế.

- Việc xây dựng KHQLTH đầm phá chỉ mới hoàn thành các kế hoạch phân vùng, hệ thống cơ sở dữ liệu, xây dựng hệ thống CHNC quản lý dựa vào cộng đồng, thí điểm giao quyền khai thác thủy sản cho các CHNC... nhưng chưa đưa ra được một Kế hoạch QLTHĐP tổng thể là một trong những hạn chế cơ bản của Dự án tại thời điểm này, vì đây là một vấn đề rất khó, mang tính tổng quát liên quan đến nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội, đa ngành đa lĩnh vực trên vùng đầm phá nên trong góc độ dự án rất khó để đưa ra một kế hoạch quản lý tổng hợp mang tính bao quát chung.

4. Nguồn vốn giải ngân

Tổng vốn của dự án giai đoạn II là : 1.313.165 USD

Trong đó: - Phía nhà tài trợ là: 1.213.165 USD (số dự từ IMOLA giai đoạn I: 13.165 đô la Mỹ. Điều chỉnh ngân sách F, ngày 8/10/2010 tăng ngân sách lên 1.213.165)

- Vốn đối ứng của chính phủ là: 980.000.000 đ

5. Một số đề xuất kiến nghị:

1. Để các hoạt động tiếp diễn một cách hiệu quả đề nghị Chính phủ Ý và các tổ chức tiếp tục hỗ trợ từ các nguồn quỹ phi tập trung để tập trung thực hiện Hỗ trợ cho Chi Hội nghề cá, Hỗ trợ các huyện giao quyền khai thác thủy sản cho các CHNC, Quy hoạch Phân vùng các vùng bảo vệ, bảo tồn, bãi giống bãi đẻ trên toàn vùng đầm phá Thừa Thiên Huế.

2. Các hoạt động của dự án bước đầu đã đạt được những thành quả đáng khích lệ. Tuy nhiên để các hoạt động thiết thực hơn trong giai đoạn tiếp theo, Dự án đề nghị chính phủ Việt Nam, Chính phủ Ý, các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước có sự hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho các chi hội nghề cá, để các chi hội thực hiện việc đồng quản lý vùng đầm phá phát triển bền vững.

3. Hiện nay Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 về việc Quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước. Do đó đối với Nguồn vốn tài trợ 495.793 USD cho dự án phi tập trung trong thời gian tiếp theo đề nghị FAO và nhà tài trợ nghiên cứu thay đổi cơ chế quản lý nguồn vốn viện trợ để phù hợp với qui định hiện hành của Chính Phủ Việt Nam. Vì vậy đề nghị Nhà tài trợ, Tổ chức FAO cần phân cấp cho Ban quản lý Dự án quản lý nguồn ngân sách tài trợ trong giai đoạn phi tập trung như các dự án khác đang triển khai trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận :

Giám đốc BQL Dự án IMOLA

- UBND tỉnh ,
- Đ/c Lê Trường Lưu , PCT tỉnh (b/c);
- Sở KH và ĐT;
- Lưu VT.

BÁO CÁO CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN HOẶC ĐẦU RA

TT	Nội dung	Chỉ số thực hiện	Đơn vị tính	Mục tiêu cuối kỳ	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(5)
Mục đích	Quản lý Cải thiện mưu sinh của người dân sống phụ thuộc vào hệ đầm phá ở Thừa Thiên Huế thông qua việc tăng cường quản lý bền vững nguồn lợi thủy sinh ở đầm phá có sự tham gia của các bên theo các yêu cầu kinh tế xã hội và hệ thống sản xuất của người dân, đặc biệt nhấn mạnh vai trò về giới, đảm bảo an ninh lương thực và giảm nghèo.	1) Nhìn chung tỷ lệ hộ nghèo ở các xã đầm phá giảm so với năm 2005 2) Nhìn chung mức độ ô nhiễm hữu cơ nguồn nước đầm phá giảm so với năm 2006 3) Nhìn chung áp lực khai thác thủy sản ở đầm phá giảm về đầu vào và đầu ra so với năm 2007 4) Việc áp dụng kỹ thuật nuôi xen ghép tôm ở đầm phá tăng ít nhất là 30% so với năm 2006 5) Hơn 100ha khu vực bảo tồn hoặc khu vực bảo vệ trên đầm phá được cắm mốc so với năm 2005 6) Năng lực sản xuất giống phục vụ nuôi trồng thủy sản ở tỉnh tăng ít nhất là 10% so với năm 2005			Tỷ lệ hộ nghèo và mức độ ô nhiễm phải được các cuộc điều tra cụ thể đánh giá. Áp lực khai thác thủy sản giảm nhờ sắp xếp lại ngư cụ trong năm 2010 Ứng dụng công nghệ nuôi ghép đã được thí điểm và sẽ tăng lên nhờ việc thực hiện Quy hoạch tổng thể NTTS. Hơn 150ha đã được xác định/cắm mốc để bảo vệ.	NA NA NA 150%
Mục tiêu dự án	Xây dựng và thực hiện thí điểm Kế hoạch Quản lý Đầm phá Tổng hợp, kế hoạch được xây dựng thông qua sự đồng thuận của các bên liên quan trong đó cần bằng việc sử dụng bền vững nguồn lợi đầm phá với mưu sinh và nhu cầu của đối tượng sử dụng nguồn lợi.	1) Kế hoạch QLDPTH được xây dựng và phê chuẩn thông qua một loạt các phiên tham vấn và đưa ra một bộ kiến nghị khá thi cho việc sử dụng bền vững nguồn lợi đầm phá 2) Một cơ sở dữ liệu địa lý hỗ trợ việc ra quyết định và hoạch định chính sách cũng như giám sát quản lý nguồn lợi đầm phá được chuẩn bị và chuyển giao cho các sở liên quan 3) Tỉnh khả thi và tác động môi trường và kinh tế xã hội của ít nhất 10 hành động hưởng tới KQLDPTH được thí điểm và đánh giá về các vấn đề khai thác, nuôi trồng thủy sản và bảo tồn 4) Bài học về đồng quản lý đầm phá có sự tham gia của các CHNC cơ sở và chính quyền địa phương được rút ra và chia sẻ với tỉnh Thừa Thiên Huế và các tỉnh khác.			Sản xuất cá giống tăng nhẹ vì đang thí điểm, chủ yếu là đánh giá khả thi KHQLDPTH đã có bản dự thảo CSDL đã được hoàn chỉnh và sẵn sàng chuyển giao cho các cơ quan hưởng lợi	100% 90% 100% 100%

TT	Nội dung	Chỉ số thực hiện	Đơn vị tính	Mục tiêu cuối kỳ	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện (%)
Đầu ra 5	Kế hoạch Quản lý Đầm phá Tổng hợp (KHQLĐPTH) được xây dựng thông qua quá trình đối thoại và sự tham gia của các bên liên quan, công tác điều phối được tăng cường nhằm thực hiện kế hoạch	<p>1) Dự thảo KHQLĐPTH (bao gồm một khung chiến lược và các hành động thực tiễn sẽ được thực hiện trong thời gian năm năm liên quan đến tổ chức thể chế, chính sách, quản lý thủy sản, phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, bảo tồn và các chức năng hỗ trợ chính như quan trắc, nghiên cứu, thực thi.v.v..) được xây dựng và sẵn có.</p> <p>2) Dự thảo KHQLĐPTH gồm có các tài liệu đi kèm như các bản đồ chuyên đề được xây dựng và sẵn có.</p> <p>3) Các kế hoạch phân vùng đầm phá được xây dựng và sẵn có, với quy mô toàn đầm phá cũng như quy mô huyện (lựa chọn) và cấp xã.</p> <p>4) Một cơ chế điều phối thể chế phục vụ quy hoạch và quản lý đầm phá tổng hợp được xây dựng và hoạt động.</p> <p>5) Một cơ chế cố vấn khoa học/kỹ thuật được thành lập và hoạt động theo hướng điều phối chiều ngang</p> <p>6) Cơ chế tham vấn ý kiến các bên liên quan đến đầm phá được thành lập và hoạt động ở cấp xã/và hoặc cấp huyện phục vụ cho công tác điều phối theo chiều dọc</p> <p>7) Một KHQLĐPTH cuối cùng được xây dựng thông qua một loạt các phiên tham vấn</p> <p>8) Một KHQLĐPTH cuối cùng được UBND tỉnh chính thức thông qua</p> <p>9) Ít nhất có 5 đề xuất được chuẩn bị hỗ trợ cho việc thực hiện KHQLĐPTH</p>			<p>KHQLĐPTH đã được chuẩn bị dự thảo.</p> <p>Đã có một tài liệu đi kèm (dự thảo).</p> <p>Quy hoạch phân vùng đầm phá đã được xây dựng và sẵn có ở cấp huyện và cấp xã</p> <p>Quy hoạch phân vùng toàn quy mô đầm phá đang được chuẩn bị.</p> <p>Cơ chế điều phối giữa các cơ quan và cơ chế cố vấn khoa học kỹ thuật đã sẵn có và hoạt động.</p> <p>Ban đồng quản lý đầm phá đã sẵn có ở tất cả các xã mục tiêu</p>	<p>100%</p> <p>100%</p> <p>90%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>70%</p> <p>100%</p>

BÁO CÁO CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN HOẶC ĐẦU RA

TT	Nội dung	Chỉ số thực hiện	Đơn vị tính	Mục tiêu cuối kỳ	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(5)
Mục đích	Quản lý Cải thiện mưu sinh của người dân sống phụ thuộc vào hệ đầm phá ở Thừa Thiên Huế thông qua việc tăng cường quản lý bền vững nguồn lợi thủy sinh ở đầm phá có sự tham gia của các bên theo các yêu cầu kinh tế xã hội và hệ thống sản xuất của người dân, đặc biệt nhấn mạnh vai trò về giới, đảm bảo an ninh lương thực và giảm nghèo.	1) Nhìn chung tỷ lệ hộ nghèo ở các xã đầm phá giảm so với năm 2005 2) Nhìn chung mức độ ô nhiễm hữu cơ nguồn nước đầm phá giảm so với năm 2006 3) Nhìn chung áp lực khai thác thủy sản ở đầm phá giảm về đầu vào và đầu ra so với năm 2007 4) Việc áp dụng kỹ thuật nuôi xen ghép tôm ở đầm phá tăng ít nhất là 30% so với năm 2006 5) Hơn 100ha khu vực bảo tồn hoặc khu vực bảo vệ trên đầm phá được cắm mốc so với năm 2005 6) Năng lực sản xuất giống phục vụ nuôi trồng thủy sản ở tỉnh tăng ít nhất là 10% so với năm 2005			Tỷ lệ hộ nghèo và mức độ ô nhiễm phải được các cuộc điều tra cụ thể đánh giá. Áp lực khai thác thủy sản giảm nhờ sắp xếp lại ngư cụ trong năm 2010 Ứng dụng công nghệ nuôi ghép đã được thí điểm và sẽ tăng lên nhờ việc thực hiện Quy hoạch tổng thể NTTS. Hơn 150ha đã được xác định/cắm mốc để bảo vệ.	NA NA NA 150%
Mục tiêu dự án	Xây dựng và thực hiện thí điểm Kế hoạch Quản lý Đầm phá Tổng hợp, kế hoạch được xây dựng thông qua sự đồng thuận của các bên liên quan trong đó cân bằng việc sử dụng bền vững nguồn lợi đầm phá với mưu sinh và nhu cầu của đối tượng sử dụng nguồn lợi.	1) Kế hoạch QLDPTH được xây dựng và phê chuẩn thông qua một loạt các phiên tham vấn và đưa ra một bộ kiến nghị khả thi cho việc sử dụng bền vững nguồn lợi đầm phá 2) Một cơ sở dữ liệu địa lý hỗ trợ việc ra quyết định và hoạch định chính sách cũng như giám sát quản lý nguồn lợi đầm phá được chuẩn bị và chuyển giao cho các sở liên quan 3) Tỉnh khả thi và tác động môi trường và kinh tế xã hội của ít nhất 10 hành động hướng tới KQLDPTH được thí điểm và đánh giá về các vấn đề khai thác, nuôi trồng thủy sản và bảo tồn 4) Bài học về đồng quản lý đầm phá có sự tham gia của các CHNC cơ sở và chính quyền địa phương được rút ra và chia sẻ với tỉnh Thừa Thiên Huế và các tỉnh khác.			Sản xuất cá giống tăng nhẹ vì đang thí điểm, chủ yếu là đánh giá khả thi KHQLDPTH đã có bản dự thảo CSDL đã được hoàn chỉnh và sẵn sàng chuyển giao cho các cơ quan hưởng lợi	100% 90% 100% 100%

TT	Nội dung	Chỉ số thực hiện	Đơn vị tính	Mục tiêu cuối kỳ	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện (%)
Đầu ra 5	Kế hoạch Quản lý Đầm phá Tổng hợp (KHQLĐPTH) được xây dựng thông qua quá trình đối thoại và sự tham gia của các bên liên quan, công tác điều phối được tăng cường nhằm thực hiện kế hoạch	<p>1) Dự thảo KHQLĐPTH (bao gồm một khung chiến lược và các hành động thực tiễn sẽ được thực hiện trong thời gian năm năm liên quan đến tổ chức thể chế, chính sách, quản lý thủy sản, phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, bảo tồn và các chức năng hỗ trợ chính như quan trắc, nghiên cứu, thực thi.v.v..) được xây dựng và sẵn có.</p> <p>2) Dự thảo KHQLĐPTH gồm có các tài liệu đi kèm như các bản đồ chuyên đề được xây dựng và sẵn có.</p> <p>3) Các kế hoạch phân vùng đầm phá được xây dựng và sẵn có, với quy mô toàn đầm phá cũng như quy mô huyện (lựa chọn) và cấp xã.</p> <p>4) Một cơ chế điều phối thể chế phục vụ quy hoạch và quản lý đầm phá tổng hợp được xây dựng và hoạt động.</p> <p>5) Một cơ chế cố vấn khoa học/kỹ thuật được thành lập và hoạt động theo hướng điều phối chiều ngang</p> <p>6) Cơ chế tham vấn ý kiến các bên liên quan đến đầm phá được thành lập và hoạt động ở cấp xã/và hoặc cấp huyện phục vụ cho công tác điều phối theo chiều dọc</p> <p>7) Một KHQLĐPTH cuối cùng được xây dựng thông qua một loạt các phiên tham vấn</p> <p>8) Một KHQLĐPTH cuối cùng được UBND tỉnh chính thức thông qua</p> <p>9) Ít nhất có 5 đề xuất được chuẩn bị hỗ trợ cho việc thực hiện KHQLĐPTH</p>			<p>KHQLĐPTH đã được chuẩn bị dự thảo.</p> <p>Đã có một tài liệu đi kèm (dự thảo).</p> <p>Quy hoạch phân vùng đầm phá đã được xây dựng và sẵn có ở cấp huyện và cấp xã</p> <p>Quy hoạch phân vùng toàn quy mô đầm phá đang được chuẩn bị.</p> <p>Cơ chế điều phối giữa các cơ quan và cơ chế cố vấn khoa học kỹ thuật đã sẵn có và hoạt động.</p> <p>Ban đồng quản lý đầm phá đã sẵn có ở tất cả các xã mục tiêu</p>	<p>100%</p> <p>100%</p> <p>90%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>70%</p> <p>100%</p>

TT	Nội dung	Chỉ số thực hiện	Đơn vị tính	Mục tiêu cuối kỳ	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện (%)
Đầu ra 6	Tăng cường thực hiện KHQLĐPTH thông qua xây dựng các chương trình thí điểm ở các vùng tập trung chính	Xem chỉ số ở các tiêu đầu ra				
Tiểu đầu ra 6.1	TIÊU ĐẦU RA 6.01 Vận hành đồng quản lý nghề cá ở ít nhất sáu xã thông qua hỗ trợ về mặt tổ chức các CHNC, tổ chức thể chế và thực hiện các đánh giá liên quan.	<p>1) Tất cả các CHNC do dự án hỗ trợ ở các xã đều có Điều lệ, Ban chấp hành, danh sách hội viên, quyết định thành lập của Tỉnh hội Nghề cá</p> <p>2) Tất cả các CHNC do dự án hỗ trợ ở các xã đều có tỷ lệ đại diện trên 80%</p> <p>3) Tất cả các CHNC do dự án hỗ trợ ở các xã đều có quy chế quản lý nguồn lợi đầm phá, và kế hoạch cùng với kế hoạch phân vùng CHNC nhằm đảm bảo đồng quản lý có hiệu lực và sử dụng bền vững nguồn lợi</p> <p>4) 70% các CHNC do dự án hỗ trợ được UBND huyện trao quyền khai thác thủy sản</p> <p>5) Các ban/cơ chế đồng quản lý được thành lập có sự tham gia của UBND xã và các CHNC</p> <p>6) 70% các CHNC do dự án hỗ trợ áp dụng và thực hiện các hoạt động có ý nghĩa nhằm giảm áp lực khai thác ở đầm phá</p> <p>7) Áp lực khai thác giảm thông qua việc sắp xếp lại ngư cụ ở Phú Lộc và Hương Trà</p> <p>8) Tỉnh hội Nghề cá hoạt động hỗ trợ cho các CHNC thành viên</p> <p>9) Xác định được các tiêu năng mưu sinh thay thế cho các ngư dân địa phương và báo cáo cho chính quyền tỉnh</p> <p>10) Xác định được cỡ mắt lưới phù hợp cho mỗi ngư cụ dựa trên các nghiên cứu khoa học và thí điểm và đề xuất chính quyền tỉnh để điều chỉnh các quy định và quy chế liên quan đến thủy sản</p>			<p>22/22 CHNC đã có điều lệ, BCH, danh sách thành viên và quyết định thành lập của Tỉnh hội Nghề cá</p> <p>16/22 CHNC có tỷ lệ đại diện ngư dân hơn 80% (lưu ý: 22/22 CHNC có tỷ lệ đại diện ngư dân trên 75%)</p> <p>20/22 CHNC có quy chế quản lý nguồn lợi, 20/20 (100%) CHNC đã hoàn thành quy hoạch phân vùng</p> <p>6/22 (30%) CHNC đã được giao quyền KTTTS 11/20 (55%) CHNC đã trình hồ sơ để UBND huyện phê duyệt. 3 CHNC đang hoàn chỉnh hồ sơ</p> <p>8/8 (100%) xã mục tiêu có ban đồng quản lý</p> <p>18/18 (100%) CHNC hoạt động chung và khai thác đã thực hiện một số hoạt động để giảm áp lực khai thác thủy sản</p> <p>Kế hoạch sắp xếp lại ngư cụ đã được thực hiện ở Phú Lộc năm 2010 và đã quy hoạch để thực hiện ở Hương Trà trong năm 2011, IMOLA hỗ trợ kỹ thuật ngay khi UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch</p> <p>Tỉnh hội Nghề cá hoạt động, hỗ trợ cho các CHNC cơ sở</p> <p>Một số cơ hội sinh kế thay thế (thưng cá, sản xuất thức ăn, nuôi hai mảnh.v.v...) (đã được xác định và tập hợp trong báo cáo</p> <p>Nghiên cứu tính chọn lọc ngư cụ lần hai và nghiên cứu kinh tế xã hội về cỡ mắt lưới đã được tiến hành vào giữa năm 2010, dự kiến sẽ tổ chức một hội thảo cấp tỉnh vào đầu năm 2011</p>	<p>100%</p> <p>86%</p> <p>95%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>95%</p> <p>100%</p> <p>100%</p>

TT	Nội dung	Chỉ số thực hiện	Đơn vị tính	Mục tiêu cuối kỳ	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện (%)
Đầu ra 6	Tăng cường thực hiện KHQLĐPTH thông qua xây dựng các chương trình thí điểm ở các vùng tập trung chính	Xem chỉ số ở các tiêu đầu ra				
Tiểu đầu ra 6.1	TIÊU ĐẦU RA 6.01 Vận hành đồng quản lý nghề cá ở ít nhất sáu xã thông qua hỗ trợ về mặt tổ chức các CHNC, tổ chức thể chế và thực hiện các đánh giá liên quan.	<p>1) Tất cả các CHNC do dự án hỗ trợ ở các xã đều có Điều lệ, Ban chấp hành, danh sách hội viên, quyết định thành lập của Tỉnh hội Nghề cá</p> <p>2) Tất cả các CHNC do dự án hỗ trợ ở các xã đều có tỷ lệ đại diện trên 80%</p> <p>3) Tất cả các CHNC do dự án hỗ trợ ở các xã đều có quy chế quản lý nguồn lợi đầm phá, và kế hoạch cùng với kế hoạch phân vùng CHNC nhằm đảm bảo đồng quản lý có hiệu lực và sử dụng bền vững nguồn lợi</p> <p>4) 70% các CHNC do dự án hỗ trợ được UBND huyện trao quyền khai thác thủy sản</p> <p>5) Các ban/cơ chế đồng quản lý được thành lập có sự tham gia của UBND xã và các CHNC</p> <p>6) 70% các CHNC do dự án hỗ trợ áp dụng và thực hiện các hoạt động có ý nghĩa nhằm giảm áp lực khai thác ở đầm phá</p> <p>7) Áp lực khai thác giảm thông qua việc sắp xếp lại ngư cụ ở Phú Lộc và Hương Trà</p> <p>8) Tỉnh hội Nghề cá hoạt động hỗ trợ cho các CHNC thành viên</p> <p>9) Xác định được các tiêu năng mưu sinh thay thế cho các ngư dân địa phương và báo cáo cho chính quyền tỉnh</p> <p>10) Xác định được cỡ mắt lưới phù hợp cho mỗi ngư cụ dựa trên các nghiên cứu khoa học và thí điểm và đề xuất chính quyền tỉnh để điều chỉnh các quy định và quy chế liên quan đến thủy sản</p>			<p>22/22 CHNC đã có điều lệ, BCH, danh sách thành viên và quyết định thành lập của Tỉnh hội Nghề cá</p> <p>16/22 CHNC có tỷ lệ đại diện ngư dân hơn 80% (lưu ý: 22/22 CHNC có tỷ lệ đại diện ngư dân trên 75%)</p> <p>20/22 CHNC có quy chế quản lý nguồn lợi, 20/20 (100%) CHNC đã hoàn thành quy hoạch phân vùng</p> <p>6/22 (30%) CHNC đã được giao quyền KTTTS 11/20 (55%) CHNC đã trình hồ sơ để UBND huyện phê duyệt. 3 CHNC đang hoàn chỉnh hồ sơ</p> <p>8/8 (100%) xã mục tiêu có ban đồng quản lý</p> <p>18/18 (100%) CHNC hoạt động chung và khai thác đã thực hiện một số hoạt động để giảm áp lực khai thác thủy sản</p> <p>Kế hoạch sắp xếp lại ngư cụ đã được thực hiện ở Phú Lộc năm 2010 và đã quy hoạch để thực hiện ở Hương Trà trong năm 2011, IMOLA hỗ trợ kỹ thuật ngay khi UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch</p> <p>Tỉnh hội Nghề cá hoạt động, hỗ trợ cho các CHNC cơ sở</p> <p>Một số cơ hội sinh kế thay thế (thưng cá, sản xuất thức ăn, nuôi hai mảnh.v.v...) (đã được xác định và tập hợp trong báo cáo</p> <p>Nghiên cứu tính chọn lọc ngư cụ lần hai và nghiên cứu kinh tế xã hội về cỡ mắt lưới đã được tiến hành vào giữa năm 2010, dự kiến sẽ tổ chức một hội thảo cấp tỉnh vào đầu năm 2011</p>	<p>100%</p> <p>86%</p> <p>95%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>95%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p>

TT	Nội dung	Chỉ số thực hiện	Đơn vị tính	Mục tiêu cuối kỳ	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện (%)
Tiêu chuẩn ra 6.2	TIÊU CHUẨN RA 6.02 Tăng cường phát triển và thử nghiệm nuôi trồng thủy sản bền vững/thay thế.	<p>1) Ít nhất 10 mô hình nuôi ghép được thử nghiệm với các CHNC cơ sở và hoàn thành đề đưa vào báo cáo đánh giá tổng kết đánh giá tác động môi trường và hiệu quả kinh tế</p> <p>2) Ít nhất 300 hội viên CHNC được trang bị kiến thức và kinh nghiệm về các mô hình thí điểm nuôi ghép của dự án thông qua các hội thảo chia sẻ kinh nghiệm</p> <p>3) Một hội thảo cấp tỉnh được tổ chức để chia sẻ và phổ biến kinh nghiệm thí điểm nuôi ghép của dự án</p> <p>4) Ít nhất một mô hình nuôi hai mảnh ở mỗi xã Lộc Bình và Vĩnh Hiền được thực hiện, mang lại lợi nhuận ròng cho các CHNC</p> <p>5) Ít nhất một CHNC sẽ sản xuất giống cá theo hướng bền vững về mặt tài chính cho các hội viên</p>			<p>4 Mô hình thí điểm NTTTS đã được thực hiện</p> <p>6 hội thảo chia sẻ kinh nghiệm với khoảng 235 người tham dự</p> <p>1 hội thảo cấp tỉnh về mô hình thí điểm NTTTS dự kiến vào giữa năm 2011</p> <p>Chưa có mô hình nuôi hai mảnh nào được thực hiện do phụ thuộc mùa vụ và ngân sách hạn chế</p> <p>2 CHNC ương cá giống nước ngọt bên vũng về mặt tài chính và 1 CHNC đã ương cá chình và sẽ có đánh giá kết quả sớm</p> <p>Các khu vực tái tạo điều kiện tự nhiên đã được xác định và được UBND xã Hương Phong thông qua</p> <p>Đo đạc và khảo sát thủy văn đầm phá đã được Công ty Te.Ma, Ý thực hiện và đã có kết quả cuối cùng</p>	<p>40%</p> <p>78%</p> <p>0%</p> <p>40%</p> <p>300%</p> <p>100%</p> <p>100%</p>
Tiêu chuẩn ra 6.3	TIÊU CHUẨN RA 6.03 Hỗ trợ quan trắc môi trường đầm phá, bảo vệ và cải thiện môi trường cụ thể là tăng cường và thí điểm ở các khu vực đầm phá.	<p>1) Các khu vực tái tạo điều kiện tự nhiên được xác định và các hoạt động nhằm tái tạo điều kiện tự nhiên được các xã tiếp nhận thông qua</p> <p>2) Hiểu được điều kiện thủy văn của đầm phá và nghiên cứu khả thi về việc cải thiện lưu thông và tăng cường trao đổi nước sẵn có</p>			<p>(←Chương trình quan trắc môi trường bị hủy do không đủ ngân sách)</p>	
Tiêu chuẩn ra 6.4	TIÊU CHUẨN RA 6.04 Nâng cao năng lực công nghệ và cơ sở dữ liệu địa lý trong việc sử dụng các công cụ không gian trong quản lý và quy hoạch đầm phá tổng hợp.	<p>1) Ít nhất 10 cán bộ cấp tỉnh và huyện có khả năng sử dụng GIS</p> <p>2) Ít nhất 30 cán bộ có khả năng sử dụng GPS để khảo sát thực địa</p> <p>3) Cơ sở dữ liệu địa lý về nuôi trồng thủy sản toàn diện trên toàn bộ đầm phá sẵn có cho SNNPTNT và UBND tỉnh và được sử dụng cho công tác quy hoạch nuôi trồng thủy sản</p> <p>4) Cơ sở dữ liệu địa lý về khai thác thủy sản của ít nhất 7 xã sẵn có cho SNNPTNT và UBND và được sử dụng phục vụ quy hoạch khai thác thủy sản</p> <p>5) Bản đồ vùng để ảnh hưởng lụt bão của các xã đầm phá sẵn có với một bộ kiến nghị giám ảnh hưởng thiên tai</p>			<p>Trong giai đoạn II, không tổ chức khóa học về GIS cho cán bộ huyện và tỉnh mà chỉ thực hiện trong giai đoạn I</p> <p>Hơn 10 cán bộ có khả năng sử dụng GIS thông qua hướng dẫn thông qua các hoạt động của IMOLA</p> <p>Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý về ao nuôi chấn sáo ở đầm Sam Chuồn</p> <p>Đã có cơ sở dữ liệu NTTTS trên cát của 12 xã</p> <p>Cơ sở dữ liệu NTTTS toàn diện của 31 xã đầm phá được xây dựng và sử dụng trong quy hoạch tổng thể NTTTS ở cấp tỉnh, huyện, xã và CHNC</p> <p>Cơ sở dữ liệu khai thác thủy sản (ngư cụ cố định) của hơn 11 xã đã sẵn sàng để SỞ NNPTNT và UBND tỉnh, và được sử dụng để chuẩn bị và thực hiện kế hoạch sắp xếp lại ngư cụ cũng như lập kế hoạch phân vùng CHNC</p> <p>Tri hoãn do mùa vụ. Đang được thực hiện vào tháng 6-7/2011</p>	<p>0%</p> <p>33%</p> <p>100%</p> <p>157%</p> <p>50%</p>

TT	Nội dung	Chỉ số thực hiện	Đơn vị tính	Mục tiêu cuối kỳ	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện (%)
Đầu ra 7	ĐẦU RA 7: Phổ biến thông tin và chia sẻ kinh nghiệm dự án ở trong nước và quốc tế về KHQLĐPTH và việc thực hiện kế hoạch.	<p>1) Trang web của dự án được duy tu, cung cấp các tài liệu của dự án, tóm tắt các hoạt động, báo cáo dự án, bản đồ, bức ảnh, các quy định nhà nước có liên quan, các đường dẫn và thông tin liên lạc</p> <p>2) Những đầu ra và kết quả của IMOLA được phổ biến rộng rãi thông qua việc phân phát ít nhất là 10 loại tài liệu khác nhau bằng văn bản giấy hoặc bản điện tử</p> <p>3) Tiến hành phối hợp và hành động chung với ít nhất là 10 tổ chức hoặc dự án dựa trên các Biên bản Ghi nhớ</p> <p>4) Các cơ quan trung ương bao gồm Bộ NNPTNT và Bộ KHĐT ghi nhận đóng góp và các đầu ra của IMOLA thông qua ít nhất là hai hội thảo cấp quốc gia về KHQLĐPTH và việc thực hiện kế hoạch được tổ chức với hơn 50 người tham gia/một cuộc.</p> <p>5) IMOLA phổ biến kinh nghiệm của mình tại ít nhất 10 hội nghị và cuộc họp Trung ương và Quốc tế</p> <p>6) Các mô hình của IMOLA (đồng quản lý, quan trắc môi trường, các phương pháp nuôi thay thế/cải tiến.v.v..) được chia sẻ với các tỉnh khác thông qua các văn bản hướng dẫn.</p>			<p>Trang web dự án thường xuyên được cập nhật với các nội dung liên quan với 290hit/tháng.</p> <p>Hơn 10 báo cáo đã được công bố và phổ biến) Xem báo cáo tiến độ sáu tháng để biết chi tiết</p> <p>Văn bản hướng dẫn đồng quản lý nghề cá đàm phá đã được chuẩn bị (80%) tiến độ, sẽ được xuất bản vào cuối giai đoạn II.</p> <p>10 Biên bản ghi nhớ đã được ký với các cơ quan khác để phối hợp hoạt động</p> <p>Các đầu ra của IMOLA đã được ghi nhận và nghiên cứu bởi TTPTNT/BNPTNT liên quan đến khái niệm Tam Nông và đã tổ chức 2 hội thảo vào giữa tháng 11/2011</p> <p>Ba HTKT đã được tổ chức trong năm 2009, 2010 và 2011 với hơn 50 người tham gia cho mỗi sự kiện với đại diện cho các cơ quan trung ương; một hội nghị quốc tế về quản lý năng lực KTTS vào tháng 5/2010</p> <p>IMOLA đã phổ biến kinh nghiệm tại 11 hội nghị và cuộc họp trong nước và quốc tế</p> <p>Văn bản hướng dẫn đồng quản lý thủy sản đàm phá đã sẵn sàng để in ấn</p>	<p>100%</p> <p>90%</p> <p>100%</p> <p>100%</p> <p>110%</p> <p>100%</p>
		Đánh giá chung về mức độ hoàn thành dự án				95%

Ngày tháng năm 2011
GIÁM ĐỐC DỰ ÁN

2. Tổng quan về Kế hoạch Quản lý Đầm phá Tổng hợp Tam Giang – Cầu Hai

Ông **Massimo Sarti**, Điều phối viên Dự án IMOLA

TỔNG QUAN

Kế hoạch Quản lý Đầm phá Tổng hợp do IMOLA xây dựng dựa trên ba bộ nội dung chính nhằm đạt được các mục tiêu sau:

- Hạn chế ảnh hưởng do nuôi trồng thủy sản
- Giảm áp lực khai thác thủy sản
- Cải thiện môi trường nước

Sẽ tăng cường chuyển đổi từ cơ chế mở sang cơ chế quản lý theo khu vực, phân vùng chức năng cho mỗi hoạt động, do Chi hội Nghề cá quản lý theo quy định.

Sẽ hỗ trợ “quyền sử dụng nhóm” theo cơ chế đồng quản lý theo quyết định số 4260/2005/QĐ-UBND trong đó UBND tỉnh đã ủy quyền cho Huyện giao quyền khai thác thủy sản cho các Chi hội Nghề cá ở cấp cơ sở.

Sẽ áp dụng các nguyên tắc quản lý hệ sinh thái trong đó tổng hợp các nhân tố thể chế, kinh tế-xã hội và sinh thái vào trong một phân tích và hành động tổng thể nhằm duy trì và tăng cường chất lượng của các khu vực môi sinh.

Phân vùng sinh thái được xác định trên cơ sở đánh giá hệ sinh thái, như chất lượng nước, mùa vụ nước, đời sống, địa mạo, sinh vật, đất và khí hậu.

Sẽ giới thiệu khái niệm mức độ nguy cơ của hệ sinh thái dựa trên đánh giá nguy cơ trong đó bao gồm những hiểm nguy, phân tích sở hữu, khả năng nguy cơ chuyển thành tình trạng khẩn cấp và các biện pháp hạn chế.

Nhằm hỗ trợ hạn chế các ảnh hưởng của nuôi trồng thủy sản, đề xuất một kế hoạch tái tổ chức theo từng bước (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) giảm các ao nuôi tôm đất hạ triều, ưu tiên giải tỏa các ao bỏ hoang, các ao năng suất kém, và các ao nằm ở các khu vực nhạy cảm hoặc cản trở lưu thông nước. Cơ chế giải tỏa nên được thương thảo.

Về mặt thể chế, Chi cục NTTS sẽ được giao để ban hành cơ chế này, sử dụng các cuộc điều tra NTTS và cơ sở dữ liệu và hệ thống đền bù hỗ trợ (bằng tiền và hiện vật) nên được xây dựng để áp dụng cho các hộ bị mất sinh kế.

Đối với các địa điểm cụ thể, các ao hạ triều có thể được duy trì với việc khoanh các đê bằng đất không thấm nước/kín nhằm đảm bảo việc kiểm soát hệ thống nước và thoát nước thải. Các ao cao triều và hạ triều cần tuân thủ các quy định về hệ thống nước thải và giám sát lịch để thải nước. Các nhóm ao và xây dựng ao nước thải cần được thực hiện trong thời gian trung hạn (năm năm) hoặc dài hạn (10 năm), phụ thuộc vào tình hình.

Cần tăng cường nuôi ghép, là một hình thức thay thế tiên tiến cho nuôi đơn tôm ở tất cả các ao hạ triều sản lượng thấp với một khung thời gian theo ba nước: ngắn hạn (5 năm), trung hạn (10 năm), và dài hạn (15 năm). Trong khung thời gian này, cũng nên chuyển từ việc cung cấp cá giống từ thiên nhiên sang hình thức ương/sản xuất và chiến lược sử dụng thức ăn sản xuất tại nhà, thức ăn công nghiệp nên được quy định bằng văn bản quy định.

Cần khuyến khích áp dụng các quy định cơ bản hoặc đơn giản theo BMP và GAP và khuyến khích nông dân áp dụng, đây là một điều cần thiết để sản xuất hàng hóa thủy sản được cấp chứng nhận và có xuất xứ nguồn gốc phục vụ thị trường trong nước hoặc xuất khẩu.

Việc hỗ trợ điều chỉnh các hoạt động khai thác thủy sản, đến năm 2010, tất cả các xã đầm phá bên theo cơ chế đồng quản lý các hoạt động khai thác thủy sản, với việc thành lập các CHNC có tỷ lệ đại diện ngư dân trên 80%.

Việc thành lập Chi hội Nghề cá nên được giao cho Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi, có sự điều phối chặt chẽ với Tỉnh hội Nghề cá.

Các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản nên được quy định theo các vùng chức năng theo các điều khoản pháp lý được nêu trong quyền khai thác thủy sản. Quyền khai thác thủy sản có một thời gian nhất định.

Cơ chế hỗ trợ tài chính nên được thực hiện thông qua đăng ký các hoạt động khai thác, đóng phí, một phần sẽ được chuyển cho các xã để làm chi phí đồng quản lý đầm phá.

Tất cả các hoạt động khai thác cần được quy định trong một quy hoạch phân vùng Chi hội Nghề cá, theo các vùng chức năng; mỗi vùng chức năng được quy định theo các định mức, quy định cụ thể. Vùng chức năng bao gồm đường giao thông thủy, đường bờ, khu vực NTTS, khu vực khai thác thủy sản và bảo vệ.

Các Chi hội Nghề cá và các ban đồng quản lý có thể điều chỉnh các nội quy và quy định theo đề xuất của phần lớn hội viên, các điều chỉnh phải được đại hội hàng năm thông qua. Tương tự như vậy, Ban Chấp Hành và các ban đồng quản lý là những ban được thành lập theo bầu cử.

Công tác giám sát, kiểm soát và kiểm tra cũng như phát hiện các vi phạm, tịch thu ngư cụ và phạt là một chức năng của Chi hội Nghề cá. Ban đồng quản lý có thẩm quyền đối với tất cả mọi vi phạm. Các nhiệm vụ, quyền hạn của Chi hội Nghề cá và ban đồng quản lý nên được phê chuẩn với các điều khoản pháp lý liên quan và được hỗ trợ tài chính

Nhằm hỗ trợ bảo vệ và tái tạo môi trường, một diện tích khiêm tốn và danh sách các địa điểm bảo vệ lựa chọn, được nghiên cứu và đánh giá khoa học nhằm đảm bảo tính khả thi cần được phê chuẩn.

Các khu vực lựa chọn như các thảm rong câu, các khu vực cạn ven bờ (0-70cm), các biển dạng túi, các cồn (Tư Hiền, Ba Cồn) cần được ưu tiên bảo vệ để duy trì các giá trị sinh thái.

Cần thông qua việc bảo tồn/bảo vệ với việc cắm mốc cho các khu vực bờ và khu vực cốt yếu. Các quy định và trách nhiệm quản lý cũng như giới hạn sử dụng nguồn lợi cần được sự giám sát của CHNC có quyền hạn và ban đồng quản lý.

Vườn/công viên nước và đất tổng hợp nên được thiết lập ở xã Hương Phong để sử dụng vào mục đích du lịch và giải trí dưới sự quản lý của một ban quản lý vườn (bao gồm đại diện cộng đồng)

Cần thiết lập để xây dựng các hành lang sinh thái và đảo, đây là một yếu tố cơ bản ở tất cả các khu vực bảo tồn nhằm cho phép di cư tự do của các loài sinh vật, tăng cường tính liên tục của các vùng tự nhiên và tăng diện tích tái tạo hệ sinh thái quan trọng.

Sinh cảnh cần được thiết lập ở rừng ngập mặn ở Rú Chá, dưới sự quản lý của cộng đồng có chức năng, theo các quy định cụ thể do các bên liên quan xây dựng và với quyền hạn của đơn vị quản lý/ban quản lý vườn.

Liên quan đến lưu thông nước đầm phá, những điều kiện quan trọng cho các ngành, tình trạng các vịnh bị chia cắt và các ao cắt đầm phá sẽ không phục hồi được môi trường thủy sản nhanh chóng trong thời gian ngắn, trừ khi có các biện pháp quyết liệt được thực hiện.

Tùy theo kết quả của mô hình thủy học, các biện pháp đưa ra gồm i) giải tỏa những phần cản trở lưu thông ở cửa biển, phá và các cửa sông bằng cách nạo vét, ii) nạo vét các kênh và đáy đầm phá nhằm tăng độ sâu trung bình, iii) mở cửa biển nhân tạo, iv) lưu thông theo lực thủy triều được cải thiện nhờ các cống/cửa theo cơ chế thủy văn chảy theo một hướng duy nhất.

Các kiện nghị thể chế liên quan đến việc thành lập một Đơn vị Phát triển Tam Giang – Cầu Hai nhằm điều phối tốt hơn, gồm đại diện các bên liên quan và phối hợp giữa các ngành.

Đơn vị Quản lý Tam Giang – Cầu Hai bao gồm nhiều đại diện từ Trung Ương và tỉnh, Các Sở Chuyên môn, các chuyên gia và các bên liên quan.

Trên cơ sở những thành tựu của Dự án IMOLA, chính quyền nên tăng cường một quá trình quản lý tổng hợp nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội và sinh thái phức tạp như nhau đối với

đầm phá Tam Giang – Cầu Hai. Dự án đã tiến hành đánh giá các nguyên nhân chính gây xuống cấp và đây là một tài sản cho Chính quyền: việc thực hiện các phương pháp hiệu quả và phù hợp nhằm phục hồi đầm phá để nó trở về hiện trạng vốn có sẽ là trách nhiệm của Chính quyền. Chiến lược đề xuất dựa trên cơ sở tổng hợp các khu vực thoát nước và quá trình diễn ra ven bờ với mục tiêu là cơ chế thủy văn có lợi có hệ sinh thái sẽ cải thiện chất lượng, phục hồi các khu vực môi sinh đã bị mất và tăng cường sản lượng sinh thái nông nghiệp ở các khu vực ngập nước và lưu vực sông. Một chương trình quan trắc toàn diện sẽ cho phép nhóm quy hoạch đánh giá nhu cầu phục hồi và tiến độ hướng tới mục tiêu. Kế hoạch nên dễ thích ứng và điều chỉnh nhằm phản ánh những kiến thức mới được thu nhập. Hiệu quả của chiến lược này không chỉ là một trong những nhân tố góp phần phục hồi đầm phá; mà còn phải có sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan.

Kế hoạch Quản lý Tổng hợp các Hoạt động đầm phá Tam Giang – Cầu Hai – Các kiến nghị ban đầu

Kế hoạch Quản lý Tổng hợp Đầm phá do IMOLA xây dựng với ba bộ mục tiêu chính nhằm đạt được các nội dung sau:

- Hạn chế tác động do nuôi trồng thủy sản thông qua thực hiện chương trình giảm và sắp xếp lại bao gồm tái tạo điều kiện tự nhiên của các vùng đất bị lấn phá
- Giảm tác động khai thác thủy sản thông qua quản lý theo khu vực, do các Chi hội Nghề cá thực hiện
- Bảo vệ môi trường thủy sản thông qua các biện pháp bảo tồn và tái tạo điều kiện tự nhiên
- Cải thiện lưu thông dòng chảy đầm phá thông qua nạo vét và tăng cường lực thủy triều.

Các kiến nghị sau đây được xây dựng nhằm xúc tiến việc chuyển đổi trong quản lý đầm phá và các điều kiện sinh thái/thủy văn:

- Tăng cường chuyển đổi từ cơ chế tiếp cận mở sang cơ chế theo vùng, gói mỗi hoạt động vào trong các vùng chức năng, có quy định và quản lý dưới các Chi hội Nghề cá.
- “Quyền sử dụng nhóm” sẽ được hỗ trợ theo cơ chế đồng quản lý, theo quyết định số 4260/2005/QĐ-UBND trong đó UBND tỉnh đã ủy quyền cho huyện giao quyền khai thác thủy sản cho các CHNC cơ sở.
- Áp dụng các nguyên tắc quản lý hệ sinh thái trong đó tổng hợp các yếu tố về mặt sinh thái, kinh tế xã hội và thể chế vào một phân tích và hành động cụ thể nhằm duy trì và tăng cường chất lượng các khu vực môi sinh.
- Phân vùng hệ sinh thái được xác định dựa vào các yếu tố sinh thái như mùa và chất lượng nước, sinh vật, địa mạo, đất và khí hậu. Các nội dung được thiết kế theo đặc điểm của hệ sinh thái.
- Sẽ giới thiệu khái niệm mức độ nguy cơ của hệ sinh thái trên cơ sở phân tích nguy cơ trong đó bao gồm phân tích những mối nguy hại, khả năng nguy cơ chuyển thành tình trạng khẩn cấp và các biện pháp hạn chế ảnh hưởng nguy cơ

Nhằm hỗ trợ hạn chế tác động do NTTS, đề xuất các kiến nghị sau:

- Xây dựng kế hoạch tái sắp xếp NTTS theo từng bước (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) để giảm các ao đất nuôi tôm hạ triều, ưu tiên giải tỏa các ao bỏ hoang, các ao không hiệu quả, và các ao nằm ở các khu vực nhạy cảm hoặc cản trở lưu thông nước. Cơ chế giải tỏa nên theo thương thảo.
- Về mặt thể chế, Chi cục NTTS phối hợp với Phòng NNPTNT các huyện nên được giao để thông qua cơ chế này, trong đó ứng dụng các số liệu điều tra NTTS và hệ thống đền bù (bằng tiền và hiện vật) nên được xây dựng cho những người mất sinh kế.
- Đối với các địa điểm cụ thể, các ao hạ triều có thể được duy trì với việc khoanh các đê bằng đất không thấm nước/kín nhằm đảm bảo việc kiểm soát hệ thống nước và thoát nước thải. Các ao cao triều và hạ triều cần tuân thủ các quy định về hệ thống nước thải và giám sát lịch để thải nước.
- Các nhóm ao và xây dựng ao nước thải cần được thực hiện trong thời gian trung hạn (năm năm) hoặc dài hạn (10 năm), phụ thuộc vào tình hình.
- Cần tăng cường nuôi ghép, là một hình thức thay thế tiên tiến cho nuôi đơn tôm ở tất cả các ao hạ triều sản lượng thấp với một khung thời gian theo ba nước: ngắn hạn (5 năm), trung hạn (10 năm), và dài hạn (15 năm). Trong khung thời gian này, cũng nên chuyển từ việc cung cấp cá giống từ thiên nhiên sang hình thức ương/sản xuất giống nhân tạo và

chiến lược sử dụng thức ăn sản xuất tại nhà, thức ăn công nghiệp nên được quy định bằng văn bản quy định.

- Cần khuyến khích áp dụng các quy định cơ bản hoặc đơn giản theo BMP và GAP để nông dân áp dụng, đây là một điều cần thiết để sản xuất hàng hóa thủy sản được cấp chứng nhận và có xuất xứ nguồn gốc phục vụ thị trường trong nước hoặc xuất khẩu.

Nhằm hỗ trợ điều chỉnh các hoạt động khai thác thủy sản, xin đề xuất các nội dung sau:

- Đến năm 2020, tất cả các xã đầm phá bên theo cơ chế đồng quản lý các hoạt động khai thác thủy sản, với việc thành lập các CHNC có tỷ lệ đại diện ngư dân trên 80%.
- Việc thành lập Chi hội Nghề cá nên được giao cho Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi, có sự điều phối chặt chẽ với Tỉnh hội Nghề cá.
- Các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản nên được quy định theo các vùng chức năng theo các điều khoản pháp lý được nêu trong quyền khai thác thủy sản. Quyền khai thác thủy sản có một thời gian nhất định.
- Cơ chế hỗ trợ tài chính nên được thực hiện thông qua đăng ký các hoạt động khai thác, đóng phí, một phần sẽ được chuyển cho các xã để làm chi phí đồng quản lý đầm phá.
- Tất cả các hoạt động khai thác cần được quy định trong một quy hoạch phân vùng Chi hội Nghề cá, theo các vùng chức năng; mỗi vùng chức năng được quy định theo các định mức, quy định cụ thể. Vùng chức năng bao gồm đường giao thông thủy, đường bờ, khu vực NTTS, khu vực khai thác thủy sản và bảo vệ.
- Các Chi hội Nghề cá và các ban đồng quản lý có thể điều chỉnh các nội quy và quy định theo đề xuất của phần lớn hội viên, các điều chỉnh phải được đại hội hàng năm thông qua. Tương tự như vậy, Ban Chấp Hành và các ban đồng quản lý là những ban được thành lập theo bầu cử.
- Công tác giám sát, kiểm soát và kiểm tra cũng như phát hiện các vi phạm, tịch thu ngư cụ và phạt là một chức năng của Chi hội Nghề cá. Ban đồng quản lý có thẩm quyền đối với tất cả mọi vi phạm. Các nhiệm vụ, quyền hạn của Chi hội Nghề cá và ban đồng quản lý nên được phê chuẩn với các điều khoản pháp lý liên quan và được hỗ trợ tài chính

Nhằm hỗ trợ bảo vệ và tái tạo môi trường, đề xuất các nội dung sau:

- Một diện tích khiêm tốn và danh sách các địa điểm bảo vệ lựa chọn, được nghiên cứu và đánh giá khoa học nhằm đảm bảo tính khả thi cần được phê chuẩn.
- Các khu vực lựa chọn như các thảm rong câu, các khu vực cạn ven bờ (0-70cm), các biển dạng túi, các cồn (Tư Hiền, Ba Cồn) cần được ưu tiên bảo vệ để duy trì các giá trị sinh thái.
- Cần thông qua việc bảo tồn/bảo vệ với việc cắm mốc cho các khu vực bờ và khu vực cốt yếu. Các quy định và trách nhiệm quản lý cũng như giới hạn sử dụng nguồn lợi cần được sự giám sát của CHNC có quyền hạn và ban đồng quản lý.
- Vườn/công viên nước và đất tổng hợp nên được thiết lập ở xã Hương Phong để sử dụng vào mục đích du lịch và giải trí dưới sự quản lý của một ban quản lý vườn (bao gồm đại diện cộng đồng)
- Cần thiết lập để xây dựng các hành lang sinh thái và đảo, đây là một yếu tố cơ bản ở tất cả các khu vực bảo tồn nhằm cho phép di cư tự do của các loài sinh vật, tăng cường tính liên tục của các vùng tự nhiên và tăng diện tích tái tạo hệ sinh thái quan trọng.
- Sinh cảnh cần được thiết lập ở rừng ngập mặn ở Rú Chá, dưới sự quản lý của cộng đồng có chức năng, theo các quy định cụ thể do các bên liên quan xây dựng và với quyền hạn của đơn vị quản lý/ban quản lý vườn.

Liên quan đến lưu thông nước đầm phá, những điều kiện quan trọng cho các ngành, nó sẽ không phục hồi được môi trường thủy sản nhanh chóng trong thời gian ngắn, trừ khi có các biện pháp quyết liệt được thực hiện.

- Tùy theo kết quả của mô hình thủy học, các biện pháp đưa ra gồm i) giải tỏa những phần cản trở lưu thông ở cửa biển, phá và các cửa sông bằng cách nạo vét, ii) nạo vét các kênh và đáy đầm phá nhằm tăng độ sâu trung bình, iii) mở cửa biển nhân tạo, iv) lưu thông theo lực thủy triều được cải thiện nhờ các cống/cửa theo cơ chế thủy văn chảy theo một hướng duy nhất.

Các kiến nghị thể chế

- Thành lập một Đơn vị Phát triển Tam Giang – Cầu Hai nhằm điều phối tốt hơn, gồm đại diện các bên liên quan và phối hợp giữa các ngành.
- Đơn vị Quản lý Tam Giang – Cầu Hai bao gồm nhiều đại diện từ Trung Ương và tỉnh, Các Sở Chuyên môn, các chuyên gia và các bên liên quan.
- Trên cơ sở những thành tựu của Dự án IMOLA, chính quyền nên tăng cường một quá trình quản lý tổng hợp nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội và sinh thái phức tạp như nhau đối với đầm phá Tam Giang – Cầu Hai. Dự án đã tiến hành đánh giá các nguyên nhân chính gây xuống cấp và đây là một tài sản cho Chính quyền: việc thực hiện các phương pháp hiệu quả và phù hợp nhằm phục hồi đầm phá để nó trở về hiện trạng vốn có sẽ là trách nhiệm của Chính quyền. Chiến lược đề xuất dựa trên cơ sở tổng hợp các khu vực thoát nước và quá trình diễn ra ven bờ với mục tiêu là cơ chế thủy văn có lợi có hệ sinh thái sẽ cải thiện chất lượng, phục hồi các khu vực môi sinh đã bị mất và tăng cường sản lượng sinh thái nông nghiệp ở các khu vực ngập nước và lưu vực sông. Một chương trình quan trắc toàn diện sẽ cho phép nhóm quy hoạch đánh giá nhu cầu phục hồi và tiến độ hướng tới mục tiêu. Kế hoạch nên dễ thích ứng và điều chỉnh nhằm phản ánh những kiến thức mới được thu nhập. Hiệu quả của chiến lược này không chỉ là một trong những nhân tố góp phần phục hồi đầm phá; mà còn phải có sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan.

TRIỂN VỌNG TƯƠNG LAI DỰ ÁN IMOLA CHO GIAI ĐOẠN III (GIAI ĐOẠN II KÉO DÀI)

Dự án IMOLA đã hoạt động ở Tỉnh được năm năm rưỡi và đạt được những thành tựu đáng kể. Từ giai đoạn II, tập trung vào đánh giá và thí điểm ở 21 xã, chuyển tiếp sang giai đoạn hai trong đó thí điểm thực hiện kế hoạch: đã đạt được những kết quả hữu hình trong các lĩnh vực như đồng quản lý, quy hoạch NTTS, thành lập các vùng bảo vệ, tiến hành các nghiên cứu thủy học, và sinh kế chuyển đổi trong và ngoài ngành thủy sản.

Việc gia hạn sang giai đoạn III bao gồm Dự án Hợp tác Phi tập trung với việc thiết lập mối quan hệ đối tác với Vùng Veneto, Ý bao gồm các hoạt động sau:

Ứng dụng các công nghệ khảo sát và phương pháp tự động trong phát hiện các thông số môi trường để thực hiện quan trắc môi trường và mô hình thủy học đầm phá

Hiện vẫn còn thiếu một chương trình quan trắc môi trường đầm phá, do đó không có cơ sở chắc chắn nào để kiểm soát và lập kế hoạch môi trường cũng như khả năng hạn chế những ảnh hưởng làm suy thoái môi trường. Theo đánh giá ở hầu hết các đầm phá trên thế giới (Báo cáo DELTAMED), những ảnh hưởng tiêu cực của điều kiện tự nhiên ven bờ cùng với các hoạt động kinh tế, và điều kiện bất lợi của khí hậu có thể là điều kiện cản trở lưu thông, dẫn đến bồi lấp, gây nên hiện tượng thiếu ô xy ở các vịnh, giảm năng suất, mất mặt nước có thể tiếp cận được. Các can thiệp và cơ sở hạ tầng thủy học trong tất cả các trường hợp đều cần thiết nhằm phục hồi các điều kiện tối ưu.

Đề xuất một chương trình quan trắc môi trường (bao gồm đo dòng chảy, khảo sát địa hình đầm phá) và mô hình thủy học liên quan của các khu vực đầm phá và cửa biển nhằm thiết kế những hoạt động can thiệp bình ổn cửa biển, hạn chế nhiễm mặn, tái tạo tự nhiên các vùng môi sinh bị xuống cấp (như các ao bỏ hoang, các vùng rừng ngập mặn, các khu vực bãi đẻ ven bờ.v.v...), kích hoạt các vùng vịnh kín.

Nuôi tôm và loài hai mảnh phù hợp với các tiêu chuẩn chất lượng, bảo vệ và an toàn môi trường. Cải thiện tính bền vững của các sản phẩm thủy sản của TT-Huế theo định hướng thị trường.

Ở Thừa Thiên Huế, việc nuôi trồng thủy sản theo hộ gia đình chủ yếu được thực hiện mà không theo bất cứ một quy trình sản xuất cơ bản nào, nếu tuân thủ tốt thì sẽ đảm bảo việc tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng, bảo vệ môi trường và an toàn lương thực. Vấn đề này sẽ hạn chế khả năng tiếp thị sản phẩm và lợi nhuận ổn định.

Bộ hoạt động này sẽ góp phần tăng cường nghề cá đầm phá theo định hướng thị trường thông qua giới thiệu thực tiễn quản lý tốt (BMP), quan trắc và phòng ngừa sức khỏe thủy sản, chế biến và tiếp thị, có thể kết hợp với kinh nghiệm của Vùng Veneto trong lĩnh vực này. Cụ thể nhấn mạnh đến các phương pháp nuôi thay thế, nuôi loài hai mảnh. Phương pháp nuôi này có thể tạo cơ hội mưu sinh khả thi cho các CHNC ở cửa biển Vinh Hiền và Lộc Bình. Nhờ việc giới thiệu phương pháp nuôi ở vùng đầm phá Veneto và sự đóng góp bằng hiện vật/công cụ như bài học kinh nghiệm, dự án có thể thực hiện nuôi loài hai mảnh trong năm tới với cơ hội thành công.

Thí điểm Tam Nông ở Thừa Thiên Huế: Phát triển và tăng cường các hoạt động tạo thu nhập ngoài ngành thủy sản và nông nghiệp (sản xuất hàng hóa và du lịch nông thôn)

Khi Việt Nam đang trên bước đường tiến tới nước có mức thu nhập trung bình và trên trung bình, thì quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa sẽ có một ảnh hưởng lớn đến vùng nông thôn

và mưu sinh của người dân địa phương. Để giải quyết vấn đề trong quá trình hiện đại hóa đất nước, Đảng đã ban hành nghị quyết số 26, kỳ họp thứ 10, tháng 11 năm 2008 về Nông nghiệp, Nông dân và Nông thôn, hay còn gọi là Tam Nông.

Dựa trên kinh nghiệm của dự án IMOLA, tất cả các bên liên quan đều thống nhất xây dựng một dự án mới ở Huế trong đó sẽ giới thiệu nguyên tắc Tam Nông.

Một trong những quan điểm chủ đạo của Tam Nông đó là phát triển và tăng cường các hoạt động tạo thu nhập ngoài ngành thủy sản và nông nghiệp. Trên thực tế, việc sử dụng quá mức tài nguyên thiên nhiên sinh học sẽ dẫn đến suy giảm nguồn lợi, thu nhập không ổn định, không đảm bảo an ninh lương thực và ngư dân nghèo.

Cần tìm kiếm các nguồn thu nhập trong các lĩnh vực ngoài NTTS và KTTS, có thể mở rộng theo hướng sản xuất và chế biến sản phẩm, tập dụng các cơ hội mà ngành công nghiệp mới nổi của Tỉnh mang lại. Du lịch sinh thái hoặc du lịch nông nghiệp là một cơ hội đối với Tam Giang đây vẫn là một tiềm năng chưa được khai thác, và sẽ được phát triển với sự điều phối của các chính sách bảo tồn môi trường và các hoạt động can thiệp tái tạo và phục hồi môi trường. Việc áp dụng các nguyên tắc Tam Nông ở Tam Giang – Cầu Hai sẽ góp phần đa dạng hóa kinh tế nông nghiệp của Tam Giang, từ nền sản xuất hàng hóa đơn thuần sang nền sản xuất cung cấp dịch vụ (dịch vụ du lịch, bảo vệ và bảo tồn môi trường.v.v...), và từ nền kinh tế tự cung tự cấp sang nền kinh tế theo định hướng thị trường.

Quy hoạch đầm Sam Chuồn ở huyện Phú Vang và tiếp tục hỗ trợ đồng quản lý

Dự án IMOLA đã thí điểm việc thực hiện quản lý nghề cá thông qua các Chi hội Nghề cá và thực hiện việc đồng quản lý ở ba huyện (Phú Lộc, vùng đầm phá Quảng Điền và Hương Trà). Gần đây, chính quyền Tỉnh có đề xuất IMOLA mở rộng khu vực hoạt động sang huyện Phú Vang, do vậy, một khi thực hiện ở khu vực này, dự án sẽ góp phần thực hiện ở trên 80% diện tích mặt nước đầm phá.

Đầm Thủy Tú và Sam Chuồn thuộc huyện Phú Vang là một khu vực rất quan trọng bởi một số lý do sau đây: là khu vực mật độ dân cư đông, hoạt động Nuôi trồng Thủy sản và Khai thác Thủy sản dày đặc, điều kiện lưu thông nước hạn chế, là vùng đầm phá thiếu ô xi, là khu vực có nhiều loài thủy sản, đồng thời lại là địa điểm du lịch. Điều quan trọng là, huyện Phú Vang là một địa phương đang trở thành đô thị vệ tinh của thành phố Huế và hiện đang trong quá trình công nghiệp hóa nhanh chóng.

Việc ứng dụng công nghệ IMOLA đã được ghi nhận là sáng tạo và có hiệu quả với việc tổ chức cộng đồng nghề cá, tái tổ chức lĩnh vực thủy sản ứng dụng công cụ công nghệ (Hệ thống Thông tin Địa lý GIS và viễn thám), xây dựng phân vùng và cắm mốc cũng như chuẩn bị các công cụ quy định để vận hành đồng quản lý thông qua quyền khai thác thủy sản. Các phương pháp được thí điểm ở đầm phá được chứng minh là cần thiết đối với việc giải quyết các vấn đề về tái tổ chức ngành quan trọng này của khu vực cửa Sông Hương. Việc tái tổ chức lĩnh vực thủy sản trong năm 2011 sẽ là điều kiện tiên quyết để thử nghiệm một mô hình du lịch nông thôn mới ở huyện Phú Vang.

Hỗ trợ đồng quản lý: Từ các CHNC đến các Hợp tác xã Thủy sản và các doanh nghiệp nông thôn vừa và nhỏ

Liên quan đến các CHNC và đồng quản lý, dự án sẽ duy trì sự hỗ trợ cho các xã mà IMOLA đã hỗ trợ và thêm vào đó sẽ áp dụng các phương pháp vận hành đồng quản lý ở các xã của Phú Vang xung quanh khu vực Sam Chuồn.

Dự án IMOLA đã nỗ lực đáng kể trong công tác đồng quản lý đầm phá trong năm năm vừa qua, việc vận hành một cách hoàn toàn cần nhiều thời gian và tiếp tục hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình này. Năm 2011, dự án cần mở rộng sự hỗ trợ cho công tác đồng quản lý đầm

phá theo cơ chế giao quyền khai thác thủy sản và củng cố hệ thống/cơ cấu đồng quản lý đầm phá bền vững. Các CHNC được giao quyền khai thác thủy sản phải có đủ năng lực hoạt động về mặt tài chính và về mặt chuyên môn, do đó cần xem xét hệ thống hỗ trợ công bao gồm phân cấp quản lý đầm phá về mặt tài chính. Do đó, sự hỗ trợ của dự án trong quá trình này là điều kiện không thể thiếu nhằm đảm bảo tính bền vững hơn.

CẬP NHẬT TIẾN ĐỘ CÁC THÀNH TỰU CỦA GIAI ĐOẠN KÉO DÀI IMOLA II VÀ HỢP PHẦN PHI TẬP TRUNG

Trong 7 tháng hoạt động sau khi kết thúc IMOLA giai đoạn I và II, dự án IMOLA đã đạt được các nội dung sau:

Cải thiện môi trường

Dự án đã khảo sát thủy văn vào tháng 4, mô hình thủy động lực học đang được xây dựng, đang thu thập thêm số liệu. Dự án cũng tiến hành khảo sát thêm vào mùa mưa để thu thập thêm số liệu hỗ trợ xây dựng mô hình. Mô hình này sẽ được trình bày tại Hội thảo Kỹ thuật lần thứ 7.

Dự án đã hoàn thành đánh giá tính xung yếu lũ lụt ở Hương phong đã hoàn thành. Báo cáo tổng kết đã có bao gồm các bản đồ xung yếu của xã. Cơ sở dữ liệu đã được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của IMOLA. Dự án tiến hành khảo sát 600 hộ ở Hương Phong để lập bản đồ và đánh giá tính xung yếu.

Trồng cây ngập mặn đã được tiến hành ở vùng trồng sát Rú Chá và ao nuôi sinh thái với 3000m² (3500 cây giống đã được ương và gần 2500 cây đã được trồng và phát triển tốt (1000 cây ở vùng tập trung và 1620 cây ở 04 ao nuôi thủy sản. Cây đang phát triển tốt. Dự án đang quan trắc khả năng chống chịu của cây trồng trong mùa mưa lũ. Mô hình này nên cần được nhân rộng. Dự án đang khảo sát các khu vực tiềm năng có thể trong cây ngập mặn dựa trên kết quả thử nghiệm và các kết quả khoa học khác.

Khai thác thủy sản

Quy hoạch ngư cụ cố định ở Hương Trà đã được Sở NNPTNT thẩm định và UBND tỉnh phê duyệt. Hiện nay, dự án đang hỗ trợ kỹ thuật cho UBND huyện Hương Trà trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện cụ thể.

Sắp xếp ngư cụ ở Phú Vang: bản đồ ngư cụ đã hoàn thành và sẵn có. Phân vùng nò sáo cũng đã hoàn thành và được thống nhất ở Phú Diên, Phú Xuân, Vinh Hà, Phú Thuận và Vinh Xuân. Những xã này cũng đã được cắm mốc và sắp hộ theo tiêu chí. Các xã có số lượng ngư cụ ít còn lại như Thuận An, Phú Hải Phú Đa và Vinh Phú đang tiếp tục họp lấy ý kiến cộng đồng và các bên liên quan ở cơ sở. Riêng Thuận An, quy hoạch nò sáo có liên quan một số quy hoạch khác nên cần nhiều thời gian hơn để hoàn thành.

Nuôi trồng thủy sản

Bản đồ hiện trạng nuôi chẵn sáo ở Sam Chuồn đã hoàn thành. Khảo sát bảng hỏi đã hoàn thành. 1628 ha nuôi chẵn sáo đã được khảo sát và bản đồ chuyên đề đang được xử lý, tất cả số liệu đã được nhập và cho vào cơ sở dữ liệu của IMOLA. Sau khi bản đồ chuyên đề đã được xây dựng, sẽ tiến hành phân vùng khu vực Sam Chuồn.

Ao nuôi sinh thái

AO nuôi sinh thái hoạt động tốt ở Hương Phong, kết quả ban đầu rất khả quan vì cả cây trồng và loài nuôi phát triển tốt. Mô hình này nên được nhân rộng để tái tạo rừng ngập mặn ở khu vực này để tạo điều kiện cho các loài nuôi phát triển. Đến nay các loài nuôi đã được thu hoạch.

Sản xuất thức ăn cá

Sản xuất thức ăn cá đang được chuẩn bị thực hiện để hạn chế việc sử dụng thức ăn tươi (cá tạp) trong nuôi trồng thủy sản nhằm mục đích giảm áp lực lên nguồn lợi đầm phá và ô nhiễm môi trường. Chi hội Nghề cá Hương Giang sẵn sàng thực hiện mô hình này. Dự kiến bắt đầu trong mùa tới.

Nuôi cá ở Hải Tiến

Bốn hộ nuôi đã được hỗ trợ nhà cửa để cải thiện điều kiện sinh hoạt. Lồng cá của những hộ này đang phát triển tốt, cá đã đến kỳ thu hoạch, người dân đang chờ giá tốt để thu hoạch. Sau khi

thu hoạch, dân sẽ tiết kiệm để đầu tư cho vụ sau với sự hỗ trợ của đối tác Dự án (Rồng Xanh)

Nuôi hai mảnh

Dự án đang khảo sát môi trường để nuôi hai mảnh. Dự án đã liên hệ chuyên gia hai mảnh ở Italy để chuyển giao công nghệ trong việc sản xuất giống. Họ dự kiến thăm dự án vào tháng 11. Công tác chuẩn bị gồm khảo sát và thiết lập mối quan hệ với các CHNC liên quan để thực hiện mô hình.

Đồng quản lý

Hỗ trợ giao quyền khai thác thủy sản cho các CHNC, bao gồm phân vùng chức năng và quy chế tiểu vùng cho các CHNC quản lý. Các xã đã được giao quyền mặt nước gồm Lộc Bình, Vinh Hiền, TT Phú Lộc, Lộc Trì, Lộc Điền và Hải Dương. Hương Phong cũng sẽ được chuẩn bị phê duyệt hồ sơ trong tháng tới. Hồ sơ của Quang Công đang được xây dựng, gần hoàn chỉnh.

Đồng quản lý ở Phú Vang

Dự án đang khảo sát thực trạng các CHNC ở PHú Vang để hỗ trợ thành lập và củng cố, nhằm đảm bảo rằng các CHNC ở Phú Vang sẽ được giao quyền khai thác thủy sản nếu họ đủ năng lực. Dự kiến hỗ trợ thành lập 6 CHNC và củng cố 7 CHNC hiện cơ ở huyện.

Cơ sở dữ liệu của IMOLA đang tiếp tục được cập nhật. Cơ sở dữ liệu này đang được cán bộ Sở TNMT vận hành để chuẩn bị bàn giao đầu ra của Dự án trong tương lai. Cơ sở dữ liệu đã được cập nhật gồm số liệu của Phú Vang, Phú Lộc, Hương Tra, một phần Quảng Điền và PHong Điền (nuôi tôm trên cát) với các nội dung như khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, đường thủy đạo, ranh giới chính thức, vùng bảo vệ. Đây là công cụ hỗ trợ đắc lực cho chính quyền địa phương trong việc hoạch định chính sách.

Du lịch nông thôn

Dự án chuẩn bị các công tác liên quan để phát triển du lịch đầm phá với sự tham gia của các đối tác phía Việt Nam và Italy (Câu lạc bộ Du lịch Ý). Hiện đang chuẩn bị nghiên cứu tìm hiểu và đánh giá nhu cầu, tiềm năng, tính khả thi để cải thiện du lịch đầm phá.

3. Cơ sở dữ liệu Dự án IMOLA và các kế hoạch

Cô **Lê Thị Hạnh**, Quản lý Cơ sở dữ liệu GIS, Dự án IMOLA

Trong sáu năm hoạt động không gián đoạn, một trong những kết quả nổi bật của dự án IMOLA là xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) thông tin địa lý (GIS) và Viễn thám (RS). Đây là một công cụ quan trọng hỗ trợ cho các hoạt động của dự án triển khai thành công và đạt hiệu quả tốt.

Bài trình bày nhằm mô tả tổng quan các hợp phần chính trong hệ thống CSDL GIS được xây dựng trong thời gian qua và kế hoạch sử dụng công cụ này trong các hoạt động tiếp theo của dự án IMOLA.

1. Hệ thống CSDL GIS

CSDL GIS của dự án IMOLA bao gồm các dữ liệu không gian và thông tin thuộc tính được thu thập từ nhiều nguồn và theo các định dạng khác nhau tùy theo mục đích sử dụng. Hệ tọa độ chính sử dụng cho CSDL GIS của dự án là hệ tọa độ toàn cầu: Universal Transverse Mercator - UTM zone 48N, ellipsoid: WGS84, và datum WGS 1984.

Hệ thống CSDL GIS của IMOLA được tổ chức và lưu trữ theo các chủ đề dưới dạng các thư mục. Hai định dạng chính hiện đang được sử dụng là raster và vector chạy trên nền của phần mềm ArcGIS và ERDAS.

1.1 Dữ liệu raster

Dữ liệu raster đầu tiên phải kể đến là các loại ảnh vệ tinh qua các năm, bao gồm: không ảnh (Aerial photographs), ảnh vệ tinh ASTER, DigitalGlobe, Landsat, SPOT5. Đây là một nguồn dữ liệu quan trọng làm cơ sở cho việc xây dựng CSDL của hàng ngàn ao nuôi trên đầm phá Tam Giang - Cầu Hai trong một thời gian ngắn và tiết kiệm được kinh phí.

Nguồn dữ liệu raster thứ hai phải kể đến là bản đồ Địa hình do Bộ Quốc phòng xuất bản năm 2005. Dự án đã sử dụng bản đồ này làm bản đồ nền cho vùng triển khai dự án - đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Một nguồn dữ liệu quan trọng khác, đó chính là bản đồ giấy ranh giới hành chính 364 được thực hiện theo Chỉ thị số 364/CT của Thủ tướng Chính Phủ ban hành ngày 6/11/1991. Bản đồ địa giới hành chính do UBND các xã/ huyện và Sở/ phòng Nội vụ quản lý nhằm xác định rõ ranh giới hành chính giữa các xã/ huyện. Các bản đồ giấy này được dự án sử dụng làm cơ sở pháp lý xác định ranh giới phân quyền sử dụng mặt nước giữa các xã/ huyện.

Hệ tọa độ sử dụng của bản đồ này là hệ tọa độ quốc gia trước đây: Hà Nội 1972 (HN72). Trên cơ sở các hồ sơ địa giới hành chính của các xã/ huyện, sử dụng công cụ GeoTools của Bộ Tài nguyên và Môi trường, dự án đã tính chuyển về cùng hệ tọa độ UTM để đồng bộ hóa dữ liệu và

thuận lợi trong triển khai các hoạt động phân vùng và cấp quyền quản lý và sử dụng diện tích mặt nước cho các Chi hội nghề cá trên địa bàn.

1.2 Dữ liệu vector

CSDL vector được xây dựng trên nền phần mềm ESRI ArcGIS 9.3 và được tổ chức theo các chủ đề sau đây:

- Bản đồ nền: ranh giới xã/ huyện; địa giới hành chính 364; ranh giới mặt nước đầm phá;
- Hệ thống đầm phá và giao thông thủy: tuyến giao thông thủy địa phương và trung ương
- Các loại ngư cụ: Nò sáo, hàng đáy, chuôm, rớ, nuôi lồng...
- Nuôi trồng thủy sản: ao NTTS, ao chắn sáo
- Phân vùng NTTS
- Chất lượng Môi trường Nước NTTS
- Hiện trạng Sử dụng đất

2. Một số hoạt động đã thực hiện

- Xây dựng CSDL nuôi trồng và đánh bắt thủy sản trên đầm phá: bản đồ không gian và thông tin thuộc tính về hiện trạng sản xuất và NTTS, các ngành nghề thủy sản trong quá khứ và hiện nay...

- Hỗ trợ các sở, ban ngành liên quan trong việc xây dựng Quy hoạch Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản toàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hỗ trợ UBND các huyện/ xã thực hiện Quyết định của UBND Tỉnh về việc giải tỏa và sắp xếp nò sáo trên vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai.

- Quy hoạch phân vùng và phân quyền quản lý và sử dụng diện tích mặt nước đầm phá trong sản xuất và NTTS.

- Chia sẻ thông tin, bản đồ nhằm quản lý và phát triển bền vững đầm phá Tam Giang - Cầu Hai cho các cơ quan, tổ chức liên quan.

3. Kế hoạch tiếp theo

- Tiếp tục cập nhật hệ thống CSDL Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản trên đầm phá;

- Tiếp tục xây dựng bản đồ Quy hoạch NTTS/ Ngư cụ trên đầm phá Tam Giang - Cầu Hai: đầm Sam Chuồn và các xã của huyện Phú Vang, xã Quảng Công (huyện Quảng Điền)...;

- Chuyển đổi toàn bộ CSDL GIS về hệ tọa độ quốc gia hiện nay VN2000 để có thể tích hợp với hệ thống CSDL của dự án GIS Hue.

4. Quan trắc môi trường và xây dựng mô hình thủy động lực học đầm phá, mô hình lưu thông thủy triều ở đầm phá Tam Giang – Cầu Hai

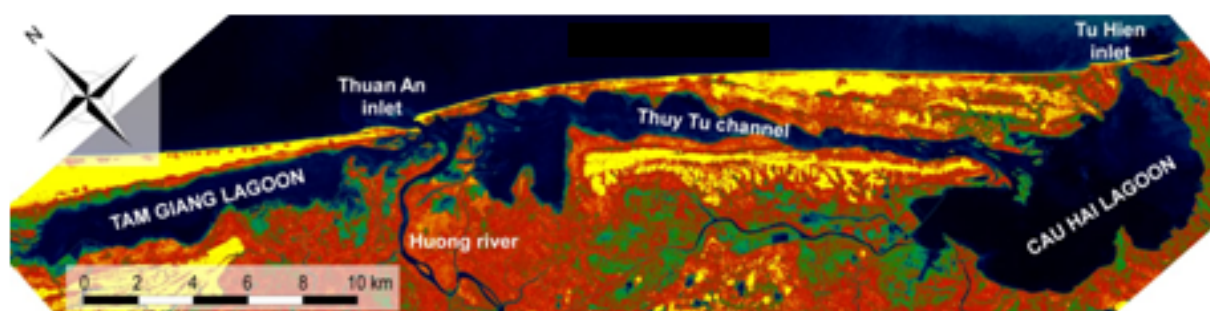
L. Stefanon, G. F. Castellì, B. Matticchio, L. Tosini, Ca'Vendramin Foundation, Vùng Veneto, Ý

Bối cảnh

Trong giai đoạn II của Dự án IMOLA FAO, một loạt hoạt động mới đang được tiến hành nhằm tiếp tục thí điểm thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp. Bốn đầu ra đã được lên kế hoạch trong đó đầu ra 1 là nhằm thực hiện một chương trình quan trắc môi trường, tập trung vào sự lưu thông của thủy triều và sức đẩy của dòng chảy đầm phá Tam Giang Cầu Hai.

Sự lưu thông dòng chảy thủy triều có liên quan nhiều đến chất lượng nước và ảnh hưởng đến một số vấn đề trong quản lý đầm phá. Ví dụ, nó ảnh hưởng đến việc lựa chọn vị trí tối ưu của các loài thủy sản có vỏ và các hoạt động nuôi trồng thủy sản vốn đòi hỏi việc kiểm soát chất lượng nước và trao đổi thủy triều năng động để cung cấp nước và thức ăn sạch. Nói chung, đây là vấn đề quan tâm lớn đối với các kế hoạch phát triển của cộng đồng ven bờ và các hoạt động phụ thuộc vào đầm phá, một yêu cầu đòi hỏi phải có năng lực để duy trì cân bằng giữa chức năng sinh thái của hệ đầm phá và các yêu cầu về kinh tế.

Hiện nay, không có thông tin một cách có hệ thống về sự lưu thông thủy triều của đầm phá Tam Giang - Cầu Hai. Do đó, Dự án đã đề xuất chương trình khảo sát hình thái thủy văn và xây dựng một mô hình thủy động lực học của các đầm và cửa biển để tìm hiểu quá trình hình thái và thủy động lực học chính của hệ thống đầm phá cũng như kích hoạt các nghiên cứu khả thi nhằm cải thiện lưu thông động lực thủy triều.



Đầm phá Tam Giang – Cầu Hai

Mô tả hoạt động

Chương trình quan trắc và xây dựng mô hình tập trung vào đầm phá phía Nam từ Thủy Tú đến Cầu Hai, bao gồm cửa biển Tư Hiền. Với những kinh nghiệm có được từ các đầm phá ở Venice và Châu thổ Sông Po, Ý, nghiên cứu này tập trung 1) hiểu sâu về các cơ chế tăng cường lưu thông thủy triều, ii) lập bản đồ các khu vực đầm phá bị hạn chế lưu thông nước và khả năng trao đổi

nước với biển kém, nhằm mục đích cuối cùng là xác định các can thiệp có thể thực hiện để cải thiện chất lượng nước.

Việc xây dựng mô hình đòi hỏi một bộ số liệu chi tiết và rộng về bản đồ. Nguồn số liệu chính đó là cơ sở dữ liệu GIS sẵn có ở dự án IMOLA. Dữ liệu này bao gồm bản đồ địa hình cơ bản, các hình ảnh vệ tinh và các bản đồ chuyên đề có thể mô tả một số nhân tố chi tiết liên quan đến việc xây dựng mô hình như ranh giới các ao nuôi trồng thủy sản, vị trí các ngư cụ cố định.v.v...

Cuộc khảo sát độ sâu là một phần của các hoạt động đang diễn ra, nhằm mục đích có được một bộ số liệu chi tiết về hình thái địa hình hiện nay của cửa biển đầm phá và đây là một phần chính mà mô thủy động lực học quan tâm.

Các cuộc khảo sát thủy văn đã được tiến hành để thu thập một bộ số liệu cụ thể hữu ích cho việc tạo điều kiện biên phù hợp cho mô hình thủy động lực học (mức thủy triều và dòng chảy dọc biên). Cần thu thập thêm số liệu chung để hoàn chỉnh các thông tin cần thiết phục vụ cho việc xây dựng mô hình và đưa ra các điều kiện biên đầy đủ. Bao gồm các bản đồ thủy thâm mô tả địa hình chung của toàn bộ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai, lưu lượng dòng chảy của các con sông lớn đổ vào đầm phá, mực thủy triều ở khu vực biển gần bờ.

Về các nội dung này, dự án đã xây dựng mối quan hệ đối tác với Trường Đại học Thủy lợi Hà Nội, vì họ có kiến thức sâu về hệ thống đầm phá Thừa Thiên Huế và có kinh nghiệm lâu năm về các cuộc khảo sát thực địa cũng như xây dựng mô hình đầm phá.

Dự án cũng đã thiết lập quan hệ với các cơ quan liên quan tại địa phương để có được các số liệu sẵn có và đầu vào cần thiết. Các cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn, bao gồm các số liệu thứ cấp từ trước đến nay của các cơ quan trong tỉnh. Trong đó bao gồm các số liệu quan trắc thủy văn (mưa và gió) ở các trạm quan trắc hiện có ở khu vực đầm phá và các mực nước các con sông (và có thể là lưu lượng nước) trong một vài năm để xác định đặc điểm cơ chế hệ thống thủy văn theo mùa của hệ thống.

Khảo sát thực địa

Các cuộc khảo sát thực địa được thực hiện chủ yếu nhằm mục đích thu thập một bộ số liệu phù hợp cho việc xây dựng mô hình. Khảo sát cũng là bước đầu tiên cho việc thực hiện một chương trình quan trắc, chương trình này sẽ mở rộng kiến thức hiện nay về các khía cạnh thủy văn và thủy động lực học của hệ thống đầm phá. Cuộc khảo sát tập trung ở đầm Cầu Hai, cửa biển Tư Hiền và đầm Thủy Tú. Khảo sát thực hiện bao gồm đo độ sâu bằng sóng âm thanh, ghi chép mực thủy triều và đo dòng chảy ở cửa Tư Hiền và các địa điểm chính có sử dụng máy đo lưu lượng tự động theo nguyên lý siêu âm (ADCP). Một số cuộc khảo sát dùng máy CTD cũng được tiến hành để lập bản đồ phân bố độ mặn ở trên đầm phá.

Đến nay, cuộc khảo sát đã được tiến hành bởi Công Ty Te.Ma. S.n.c, Faenza, Ý, Tổ chức Ca'Vendramin hỗ trợ. Cuộc điều tra diễn ra trong giai đoạn từ 15-22 tháng 4 năm 2011, một cuộc khảo sát mở rộng và sâu hơn cũng được công ty này tiến hành vào tháng 12/2009, trong giai đoạn II của Dự án IMOLA.

Công ty Te.Ma đã cung cấp tất cả các thiết bị và nhân sự cho cuộc khảo sát, hỗ trợ kỹ thuật, vận hành và hậu cần, nhờ kinh nghiệm trong cuộc khảo sát trước đây. Ông Bruno Matticchio và Cô Luana Stefanon, thuộc Hiệp hội Đồng bằng Châu thổ sông Po, Italy hỗ trợ việc lập kế hoạch khảo sát và xử lý số liệu. Đội ngũ IMOLA, dưới sự điều phối của Cố vấn trưởng Massimo Sarti

đã hỗ trợ hậu cần chung cho công tác thực địa. Thuyền và cano cũng được bố trí. Nhân sự tại địa phương cũng tham gia trực tiếp vào việc đo đạc (độ mặn và thủy triều) sau khi được hướng dẫn.

Các hoạt động sau đây đã được tiến hành tại thực địa:

- **Khảo sát tham chiếu đo đạc**, nhằm mục đích thu thập các số liệu tham chiếu địa lý chính xác. Hệ thống đo đạc đã được thiết kế và tiến hành, ứng dụng các phương pháp phân sai thống kê GPS. Kết quả của quá trình này đã được kết hợp với tọa độ Hệ tham chiếu quốc gia sẵn có, cần thiết cho việc điều hướng thời gian thực trong máy DGPS RTK, được áp dụng trong các khảo sát đo độ sâu dùng máy ADCP.
- **Khảo sát độ sâu**, sử dụng cano tại địa phương làm phương tiện đi khảo sát, gắn máy cảm biến thám vọng single-beam và ăng ten DGPS RTK. Các khu vực được khảo sát gồm cửa Tư Hiền và đầm Thủy Tú, trong đó có một số mặt cắt để thu thập một bộ số liệu phù hợp để xây dựng các mô hình số độ cao (DEM)
- **Khảo sát mực thủy triều**, trong đầm phá trong khi triều lên và triều xuống. Khảo sát này cung cấp các số liệu cơ bản cho việc hiệu chỉnh mô hình thủy động lực học. Tám trạm quan trắc thủy triều đã được thiết lập ở các địa điểm khác nhau trên đầm phá để đo biên độ và sự khác nhau giữa thủy triều ở biển và các thủy vực nội địa. Trong đó có hai trạm được trang bị máy cảm biến tự động ghi chép, và các trạm khác đọc và ghi chép số liệu thủ công trực tiếp.
- **Đo dòng chảy**, hai máy đo dòng chảy đã được lắp đặt, một gần cửa biển Tư Hiền và một ở đầm Thủy Tú. Các máy đã thu thập vận tốc và hướng dòng chảy trong một số chu kỳ thủy triều. Để đánh giá mối quan hệ giữa lưu lượng nước – vận tốc, khảo sát đã sử dụng một cano gắn máy ADCP để đo dòng chảy thủy triều (lưu lượng nước) tại cửa biển và gần khu vực đặt máy đo dòng chảy.
- **Khảo sát độ mặn đầm phá**. Thuyền được trang bị máy cảm biến độ mặn, và sử dụng GPS. Điều này cho phép phát hiện sự phân bố độ mặn ở Cầu Hai và Thủy Tú ở các độ sâu khác nhau để có được một bức tranh về phân tầng theo chiều ngang và chiều dọc trong mùa này.

Tất cả số liệu đã được xử lý và hiệu chỉnh theo các tiêu chuẩn yêu cầu của Dự án và sẽ cập nhật vào cơ sở dữ liệu GIS của dự án để biểu diễn các bản đồ chuyên đề.

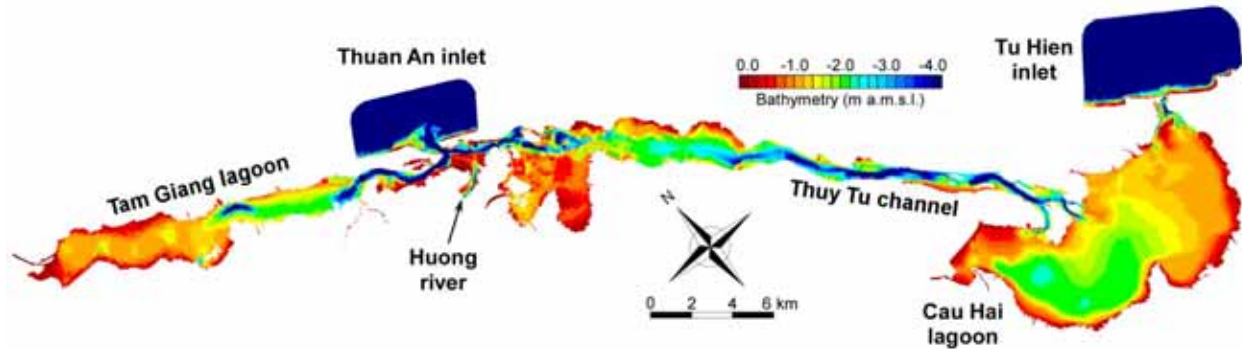
Thiết lập mô hình

Công việc này là xây dựng và căn chỉnh một mô hình toán học, mô phỏng dòng thủy triều trong đầm phá và xác định hiệu quả của lưu thông nước trong đầm phá cũng như trao đổi nước với biển. Về vấn đề này, mô hình sử dụng các công cụ số do Trường Đại học Padova, Ý xây dựng. Đây là một bộ các module, dựa trên một sự hình thành nhân tố hữu hạn, có thể xử lý các khía cạnh khác nhau của mô hình thủy động lực ở nơi thủy vực cạn trong 2D, bao gồm mực nước và vận tốc dòng chảy, sự phân tán chất chỉ thị, đường di chuyển chất điểm, sự di chuyển của trầm tích, sóng gió.

Một mô đun sóng khuynh áp 3D cũng được áp dụng, để có thể mô phỏng mật độ dòng chảy, phục vụ cho việc phân tích sự di chuyển độ mặn và khuếch tán ở các thủy vực ở các tầng nước khác nhau. Các mô hình này đã được ứng dụng rộng rãi trong việc phân tích nhiều đầm phá ven bờ ở Ý, bao gồm đầm phá Venice và Các đầm phá thuộc đồng bằng châu thổ sông Po.

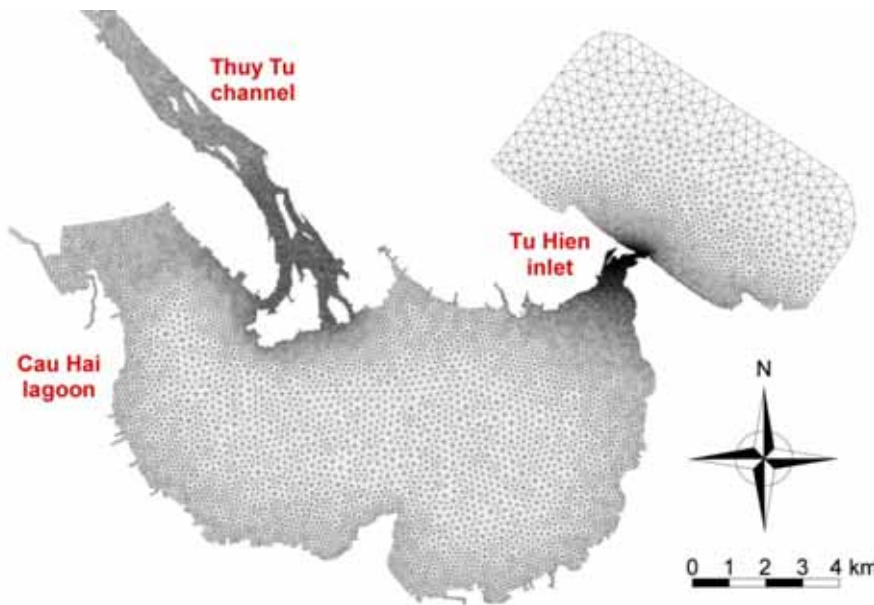
Khu vực xây dựng mô hình là toàn bộ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai, và các phần biển gần cửa Thuận An và Thủy Tú. Khung lưới điện toán với các cỡ mắt khác nhau mô tả rất chi tiết hình thái đầm phá ở đầm Cầu Hai và cửa Tư Hiền, nơi tập trung nghiên cứu chính. Khung lưới này

cho phép độ linh hoạt cao nhờ các mắt nhân tố hữu hạn không có cấu trúc của mô hình, điều này cho phép theo dõi độ sâu và hình thái đầm phá một cách chi tiết, mô tả các khu vực đặc biệt quan tâm với độ phân giải cao hơn.



Mô hình thủy động lực học khu vực Tam Giang – Cầu Hai

Các điều kiện biên phục vụ cho việc mô phỏng chủ yếu đại diện bởi mức thủy triều tại các cửa biển. Các điều kiện biên khác sẽ xem xét gió thổi trên mặt nước đầm phá và lưu lượng nước chảy vào từ các con sông. Tuy nhiên, do các mô phỏng chủ yếu phục vụ để điều tra lưu thông theo thủy triều, nên kịch bản chính sẽ thực hiện đối với mùa khô, khi lượng nước chảy vào từ các con sông gần như không đáng kể.



Lưới mô hình của Đầm Cầu Hai

Dữ liệu cơ bản phục vụ hiệu chỉnh mô hình có được từ hai cuộc khảo sát thực địa diễn ra vào tháng 12/2009 và tháng 04/2011. Hai cuộc khảo sát này cung cấp một bộ số liệu phù hợp cho việc kiểm tra sự ứng phó của mô hình thông qua sự so sánh giữa các thông số quan sát và đo lường được. Việc đo mực thủy triều ở các điểm khác nhau của đầm phá là rất cần thiết đối với việc đánh giá đúng sự lan truyền sóng thủy triều ngay trong đầm phá cũng như đối với việc xác định các khu vực liên quan đến một trong hai

cửa của đầm phá.

Việc đo dòng chảy ở cửa biển Tư Hiền sẽ cho phép hiệu chỉnh mô hình về vận tốc dòng chảy và lưu lượng trao đổi nước giữa biển và đầm phá, do vậy sẽ tái tạo hiệu quả của cửa biển liên quan đến hình trạng hình thái hiện nay. Các đánh giá tương tự cũng sẽ được thực hiện đối với đầm Thủy Tú, nơi nối liền hai đầm của hệ đầm phá và là nơi các vấn đề cải thiện nước cần được quan tâm.

Dự kiến mô hình cũng sẽ được áp dụng để kiểm tra sự ứng phó của hệ thống đối với lũ từ các con sông. Điều này sẽ được thực hiện nếu các có các số liệu cần thiết, với việc mô tả biểu đồ thủy văn của cơn lũ ở các nút thượng lưu của các con sông chảy vào đầm phá và so sánh các kết quả mô hình với số liệu mực nước hiện có và với kết quả của các nghiên cứu xây dựng mô hình khác.

Các kết quả dự kiến từ các hoạt động xây dựng mô hình chủ yếu là xác định cơ chế dòng chảy theo thủy triều để lập bản đồ phân vùng dựa trên cơ chế thủy văn của đầm phá. Do sự biến thiên theo mùa cao của các điều kiện thủy văn, các kết quả thu được trong các cuộc khảo sát thực địa không thể xem mang tính đại diện cho chế độ chung của hệ đầm phá. Về vấn đề này, nên tiến hành khảo sát thực địa thêm về nội dung thủy triều và độ mặn, để đánh giá sự khác nhau theo mùa, tùy theo chế độ sông ngòi, và có thể hiệu chỉnh mô hình toàn diện hơn.

Kết quả mô hình và mô phỏng các kịch bản

Mô hình được sử dụng để nghiên cứu tác động ảnh hưởng của lực thủy triều chính và các điều kiện khí tượng đối với thủy động lực của đầm phá. Trong kịch bản đầu tiên, chỉ xem xét tác động của thủy triều, mô tả các điều kiện thủy triều có thể xảy ra tại hai cửa biển. Một kịch bản khác xem xét sự cộng hưởng của ảnh hưởng do gió, kịch bản này có ảnh hưởng đáng kể đối với mô hình lưu thông ở toàn bộ đầm phá, đặc biệt là ở đầm Cầu Hai và mở rộng của khu vực bị ảnh hưởng của mỗi cửa biển. Cuối cùng, tác động của dòng chảy mạnh từ các con sông cũng được mô phỏng nhằm đánh giá thay đổi cơ bản trong trường dòng chảy do các cơn lũ lụt trong mùa mưa.

Các kịch bản hình thái khác nhau cũng được xem xét, chủ yếu là hình thể của cửa biển Tư Hiền. Trên thực tế, bằng chứng chỉ ra rằng quá trình vật lý làm tiến hóa cửa biển là ảnh hưởng chính đối với sự biến đổi lưu lượng nước trao đổi giữa biển và đầm phá, và điều này lại ảnh hưởng lại các điều kiện môi trường ở trong đầm phá.

Đối với mỗi kịch bản, mô hình có thể đưa ra trường dòng chảy, cụ thể là cường độ dòng chảy và con nước ở các khu vực đầm phá khác nhau. Tách riêng sự chuyển động thủy triều dao động từ ảnh hưởng thứ cấp và phi tuyến tính do địa hình và các lực không định kỳ khác (gió, dòng chảy từ các con sông), có thể có được mô hình dòng chảy của các chất lắng. Điều này cung cấp thông tin về ảnh hưởng rộng của sự chuyển động của nước, điều này liên quan đến sự khuếch tán và sự lan truyền của vật chất hòa tan ở trong đầm phá.

Các mô phỏng mô hình cũng được sử dụng để tìm hiểu ảnh hưởng của một số can thiệp có thể thực hiện nhằm cải thiện dòng nước theo thủy triều chảy vào hệ đầm phá.

Thủy vực chịu tải nhiều nhất đó là vùng phía trung và nam đầm phá, nơi có nhiều ảnh hưởng của con người mạnh hơn và mật độ các vật cản nhân tạo và tự nhiên cao. Các can thiệp bằng hình thức nạo vét và bảo dưỡng ở cửa biển Tư Hiền là các phương án có thể nghiên cứu để kiểm chứng ảnh hưởng khả năng trao đổi nước ở cửa biển với biển tăng. Cũng cần xem xét can thiệp nạo vét và bảo dưỡng khu vực phía nam đầm Thủy Tú. Trên thực tế, dòng chảy của Thủy Tú xuống Cầu Hai bị hạn chế nhiều một phần vì hình thái triều xuống phù sa cổ, một phần do các vật cản do con người tạo ra ảnh hưởng đến dòng chảy.

Theo hướng dẫn của Dự án, tất cả các kết quả mô hình, bao gồm cả hiệu chỉnh và mô phỏng các kịch bản sẽ được xây dựng và sẵn có thông qua cơ sở dữ liệu GIS và biểu diễn các bản đồ chuyên đề.

5. Phân vùng chức năng và quản lý các hoạt động trên đầm phá Tam Giang – Cầu Hai

Ông Bùi Đức Bé, Cán bộ Kỹ thuật Dự án IMOLA

Khi khảo sát đánh giá thực trạng các hoạt động trên đầm phá Tam Giang-Cầu Hai(chủ yếu là khai thác và NTTS), dự án nhận thấy rằng các hoạt động khai thác và NTTS trên đầm phá ở tình trạng phát triển tự do, thiếu kiểm soát và đã phát triển quá mức. Điều này đã mang lại những tác động tiêu cực đối với đầm phá như nguồn lợi nhanh chóng bị cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm, hệ sinh thái bị xuống cấp nghiêm trọng và rõ ràng sinh kế của người dân ngày càng gặp khó khăn.

Những năm qua dự án đã nỗ lực phối hợp với các cấp chính quyền và cộng đồng tìm ra các giải pháp đưa các hoạt động khai thác và NTTS trên đầm phá về trong tầm kiểm soát nhằm cải thiện tình trạng trên, một trong những giải pháp mà dự án đang triển khai là **Phân vùng chức năng mặt nước đầm phá và cấp quyền khai thác thủy sản cho các Chi hội nghề cá.**

I/ Phân vùng chức năng

a. Vùng chức năng: mặt nước đầm phá của chi hội/xã/huyện được phân thành các tiểu vùng chức năng chuyên biệt, ở mỗi tiểu vùng quy định rõ nghề nào được phép/không được phép hoạt động, số lượng ngư cụ tối đa, kích thước ngư cụ, kích thước mắt lưới, thời gian hoạt động, ai được phép vào khai thác...

1/ Phương pháp xây dựng:

- Lập bản đồ thực trạng của từng xã theo hồ sơ 364(sử dụng GPS, GIS)
- Xây dựng bản đồ phân vùng trên ý tưởng của cộng đồng
- Thu thập các nghiên cứu khoa học về đầm phá(Thủy văn, địa hình, nguồn lợi)
- Thảo luận ở cấp xã
- Thảo luận ở cấp huyện, cấp tỉnh, thống nhất kế hoạch phân vùng.

2/ Kết quả đạt được

a.Huyện Phú Lộc

- Xây dựng kế hoạch phân vùng hoàn chỉnh cho 5 xã
- Sắp xếp xong ngư cụ nỏ sáo toàn huyện

b. Huyện Hương Trà: đã xây dựng kế hoạch phân vùng hoàn chỉnh cho toàn huyện(bao gồm hai xã Hương Phong và Hải Dương)

c. Huyện Phú Vang: Xây dựng xong kế hoạch phân vùng sắp xếp nỏ sáo cho các xã trọng điểm Phú Diên, Phú Xuân, Vinh Hà, Vinh Xuân và các xã Phú Thuận, Phú Hải.

3/ Phân vùng chức năng gắn với cấp quyền khai thác thủy sản đầm phá cho các chi hội nghề cá

a.Giao quyền khai thác: kế hoạch phân vùng là căn cứ để các chi hội nghề cá xây dựng phương án xin cấp quyền khai thác đệ trình lên UBND huyện xem xét. Trong phương án xin cấp quyền chi hội xây dựng các quy định cụ thể cho từng nghề và từng tiểu vùng. Hiện nay đã có 15/22

chi hội nghề cá (IMOLA hỗ trợ) được UBND các huyện Phú Lộc, Hương Trà giao quyền khai thác thủy sản đầm phá.

b. Công tác quản lý

- Chi hội nghề cá giám sát thường xuyên theo phương án đã được huyện phê duyệt
- Các cấp, các ngành kiểm tra định kỳ, đột xuất (có thể theo yêu cầu của chi hội)

4/ Nhận xét

- Cần có mốc phân vùng để cộng đồng dễ dàng tham gia vào công tác quản lý(trước mắt huyện Phú Lộc nên cắm mốc ở các vùng nò sáo)
- Phân hạn ngạch lừ cho từng chi hội nghề cá (trên cơ sở số lượng tỉnh đã quy định cho từng huyện) để chi hội có giải pháp hạn chế phát triển nghề lừ
- Hỗ trợ nguồn lực tài chính cho chi hội
- Hỗ trợ phương tiện tuần tra cho chi hội
- Cải thiện thể chế, làm rõ thực quyền của chi hội nghề cá
- Hỗ trợ sinh kế thay thế

6. Ứng dụng GIS và kiến thức bản địa trong việc đánh giá tính xung yếu lũ lụt, nghiên cứu ở xã Hương Phong

Tiến sỹ Trần Văn Giải Phóng, Bùi Đức Tính, Nguyễn Quang Tuấn, Tư vấn Dự án

Nhiều nghiên cứu và các dự án nghiên cứu đã chỉ ra rằng không có một giải pháp kỹ thuật chung nào để giảm nguy cơ thiên tai của địa phương. Nhiều quan điểm mới cũng cho rằng các chương trình giảm thiểu nguy cơ thiên tai cũng đã không thành công trong việc đưa người dân cũng tham gia vì những can thiệp này thiếu cả ý chí và công cụ để cho phép người dân sử dụng kiến thức của chính họ. Chúng tôi cho rằng cần nỗ lực nhiều hơn nữa để tăng cường năng lực của người dân trong việc phát triển dựa trên kiến thức của chính họ và để xây dựng các phương pháp tăng cường các hoạt động nhằm giảm thiểu thiên tai một cách bền vững.

Kết hợp kiến thức cộng đồng với các công nghệ hiện đại để ghi chép lại và phân tích các dữ liệu liên quan đến thiên tai là một trong những cách để người dân tham gia và huy động năng lực cộng đồng. Nhận thức được tầm quan trọng của cộng đồng trong việc xác định và đánh giá tính xung yếu, Dự án IMOLA đã tiến hành đánh giá và lập bản đồ tính xung yếu có sự tham gia của các bên liên quan ở cộng đồng, ứng dụng hệ thống thông tin địa lý để chuẩn bị các bản đồ xung yếu chi tiết cho những người lập kế hoạch ở xã, người dân và các bên liên quan nhằm xác định cường độ tính chất của các thiên tai đã xảy ra và đưa ra các đề xuất cho chính quyền địa phương, những nhà hoạch định chính sách về các hoạt động giảm thiểu nguy cơ thiên tai dựa trên kiến thức bản địa và nhu cầu của cộng đồng.

Báo cáo này trình bày những phát hiện của hoạt động đánh giá nguy cơ lũ lụt và các hoạt động lập bản đồ, được tiến hành trong khuôn khổ dự án IMOLA. Báo cáo này tóm tắt các hoạt động và trình bày những phát hiện trong quá trình đánh giá tính xung yếu ở xã Hương Phong. Báo cáo báo được thực hiện theo hợp đồng tư vấn với Dự án IMOLA, do Trần Văn Giải Phóng làm trưởng nhóm nghiên cứu và hai tư vấn là Tiến sỹ Bùi Đức Tính và ông Nguyễn Quang Tuấn, từ Trường Đại học Huế thực hiện.

7. Du lịch nông thôn bền vững: một phương án khả thi đối với đầm phá Tam Giang – Cầu Hai

Ông **Fabio Cappiello**, Evivatour Vietnam

Du lịch hỗ trợ- người nghèo

Du lịch đóng một vai trò ngày càng quan trọng đối với các nền kinh tế mới nổi, đặc biệt là những người nghèo, theo số liệu chính thức của Tổ chức Du lịch Thế giới, và là một trong những ngành kiếm tiền từ xuất khẩu lớn nhất ở 80% các nước đang phát triển, trong một phần ba số đó là đối tượng người giàu, đây là một công cụ không thể thiếu để tăng cường sự tham gia của những nước này vào nền kinh tế toàn cầu, giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội.

Tác động của Du lịch đại chúng

Hai triệu đô la/ngày. Đó là doanh thu của nền công nghiệp du lịch và con số bao gồm cả việc đi lại một tỷ người mỗi năm. Nhưng mức chi phí nào? Ai là những người kiếm tiền này? Và trên hết ai là những người bị mất? 80% (nguồn từ Tổ chức Du lịch thế giới) du lịch đến từ khoảng trên hai mươi nước ở các khu vực gọi là Bắc của thế giới. Những người sinh ra ở các nước nghèo không đi du lịch. Và họ thường chỉ ở những nơi mà họ được sinh ra.

Nguyên tắc bền vững trong quản lý du lịch: du lịch bền vững.

Do tác động tiêu cực của ngành du lịch đại chúng, cần có một hình thức thay thế: nhu cầu du lịch có trách nhiệm hơn sẽ tạo điều kiện cho nền kinh tế địa phương và phát triển xã hội, vì điều này không những chỉ liên quan đến thiên nhiên và môi trường mà còn đối với nền văn hóa của mỗi địa phương, đề xuất một mối quan hệ xác thực với những con người và địa điểm thăm thú, do đó việc đi lại là một cơ hội cho các du khách gặp gỡ và trao đổi, và sẽ mang đến sự hài lòng nhiều hơn cho du khách và kết quả lâu dài hơn.

Sự tương tác giữa chính quyền, các đơn vị tư nhân là một ví dụ.

Dưới sự bảo trợ của Đại sứ quán Ý tại Hà Nội, phối hợp với Văn phòng Hợp tác Phát triển Ý.

DU LỊCH BỀN VỮNG VÀ HỢP TÁC PHÁT TRIỂN Theo bước chân Hợp tác Phát triển Ý tại Việt Nam

Đây là một sáng kiến thí điểm do EvivaTour Việt nam đưa ra nhằm mục đích khuyến khích phát triển du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm ở Việt Nam.

Mô hình du lịch thủy sản dẫn đầu ở Ý và các hình thức du lịch liên quan là một công cụ để khai thác các di sản du lịch của đầm phá Tam Giang – Cầu Hai.

Sự thành công của du lịch thủy sản và các mô hình du lịch liên quan là tiền đề có thể hỗ trợ để kết hợp với du lịch có trách nhiệm, hỗ trợ cho các đơn vị kinh doanh nhỏ tại địa phương, giáo dục môi trường – tất cả các nhân tố này có thể tạo điều kiện cho sự phát triển và hợp lý hóa du lịch và di sản môi trường của đầm phá Tam Giang – Cầu Hai

8. Mô hình du lịch nông thôn ở Ý

Bà **Maria Chiara Minciaroni**, Câu lạc bộ Du lịch Ý

Câu lạc bộ Tour của Ý (T.C.L) là một hiệp hội du lịch độc lập hoạt động phi lợi nhuận lớn ở Ý. Câu lạc bộ được thành lập vào năm 1894 nhằm mục đích phổ biến và phát triển những nét đặc sắc về văn hóa và xã hội phục vụ du lịch, phát huy tối đa những tài sản giá trị và thắng cảnh môi trường của đất nước, tăng cường việc bảo vệ và bảo tồn những di sản quốc gia của đất nước và xuất bản các ấn phẩm về du lịch.

Phòng nghiên cứu của Câu lạc bộ được thành lập vào những năm 1990, hoạt động ở thị trường Ý và Châu Âu với tư cách là một đơn vị tư vấn về du lịch, xây dựng các quy hoạch, chương trình quảng bá và phát triển du lịch, được sự hỗ trợ tài chính của chính quyền địa phương, các cơ quan nhà nước hoặc Liên minh Châu Âu.

Một trong những dự án chính của TCL đó là **Chương trình Lá Cờ Màu Cam (Orange Flag)** được thành lập vào năm 1998.

Lá cờ màu cam là một danh hiệu chất lượng về du lịch và môi trường bền vững do Chương trình Orange Flag vận hành được thực hiện ở:

- Các làng ở nội địa của Ý (Những nơi không có bờ biển)
- Có dân số dưới 15.000 người

Danh hiệu này nhằm mục đích khuyến khích phát triển kinh tế và xã hội thông qua phát triển du lịch bền vững. Sáng kiến này cung cấp các công cụ có giá trị của mỗi vùng lãnh thổ nhằm:

- Đưa ra một điểm nhấn quan trọng nhất theo quan điểm của vùng cung cấp dịch vụ đó
- Khích lệ truyền thống địa phương và các hoạt động sản xuất thủ công và du lịch;
- Tăng cường bản sắc địa phương và nhận thức về phong cảnh, môi trường và di sản văn hóa;
- Tăng cường tình cảm chào đón khách du lịch;
- Hỗ trợ các sáng kiến môi trường bền vững có sự tham gia của người dân địa phương, trường học và khách du lịch.

Danh hiệu Lá cờ màu cam là một sự đảm bảo chất lượng cho du khách và là cơ hội cho các địa phương tăng cường quá trình phân tích theo các khía cạnh du lịch sinh thái. Các làng có thể được danh hiệu Orange Flag nếu đạt được và duy trì các tiêu chí của TCL. Quá trình đánh giá toàn bộ sẽ biểu hiện những giá trị du lịch sinh thái và được thực hiện với việc phân tích hơn 250 chỉ số. Một Kế hoạch Cải thiện được soạn thảo để cung cấp cho các cơ quan hành chính địa phương các chỉ số để phát triển các dịch vụ/ cung ứng du lịch một cách bền vững và xác định các vấn đề cần giải quyết và xử lý.

Để đảm bảo chất lượng cao, các làng được cấp giấy chứng nhận được kiểm toán hai năm một lần. Các làng được chứng nhận nhãn hiệu Orange Flag cũng được giới thiệu trong mạng lưới xúc tiến của T.C.L. Điều này có nghĩa là họ có thể sử dụng tất cả các công cụ truyền thông mà Câu Lạc Bộ Tour của Ý cung cấp cho họ để quảng bá về địa phương, lãnh thổ của mình và để cải tiến không ngừng.

9. Phát triển rừng ngập mặn Rú Chá bằng mô hình ao nuôi sinh thái

Ông **Phạm Ngọc Dũng**, Hội Khoa học & Kỹ thuật Lâm nghiệp

Rú Chá là khu rừng ngập mặn lớn nhất hiện nay của tỉnh Thừa Thiên Huế, phần rú chính có diện tích 5,24 ha, vừa có giá trị văn hóa lịch sử, vừa có tác dụng bảo vệ môi trường cho cả khu vực; ngoài ra, thảm thực vật ngập mặn tại Rú Chá còn là nơi ương nuôi ấu trùng thủy sản, là sân chim của vùng cửa sông Hương - Thuận An.

Bao quanh Rú Chá là vùng nuôi trồng thủy sản có diện tích khá lớn, khoảng 175 ha. Tuy nhiên, như các vùng nuôi khác, hiệu quả hoạt động NTTS ở đây cũng không cao, do những vấn đề về môi trường và kỹ thuật nuôi. Vì vậy, để tăng hiệu quả nuôi trồng một cách bền vững, cần thiết phải phát triển phương thức nuôi trồng thân thiện với môi trường, có hiệu quả kinh tế cao như đa dạng hóa đối tượng nuôi, nuôi xen canh; đặc biệt cần chú trọng hình thức nuôi sinh thái bằng cách trồng một lượng nhất định cây ngập mặn ở các ao nuôi.

Bắt đầu từ tháng 9/2010, Dự án Quản lý tổng hợp hoạt động đầm phá (IMOLA) và Hội Khoa học Kỹ thuật lâm nghiệp đã phối hợp thực hiện Đề án trồng cây ngập mặn để nâng cao tính đa dạng sinh học và xây dựng mô hình ao nuôi thủy sản sinh thái tại Rú Chá.

Qua hơn một năm thực hiện Đề án (9/2010-11/2011), đã sản xuất được hơn 3.500 cây giống ngập mặn (Đước, Sú, Vẹt) đủ tiêu chuẩn xuất vườn; đã tiến hành trồng gần 3.000 cây tại 04 địa điểm gồm 01 điểm trồng tập trung 1000 cây ở trong Rú Chá và 03 điểm trồng là các ao nuôi thủy sản với gần 2.000 cây giống để xây dựng mô hình ao nuôi sinh thái.

Kết quả theo dõi, đánh giá tình hình sinh trưởng và phát triển của cây trồng đến cuối tháng 9/2011 cho thấy, các loài cây có khả năng thích ứng được với các điều kiện môi trường ở những khu vực trồng khác nhau, kể cả khu vực bên trong bờ đê bao ngăn mặn không có thủy triều, độ mặn thấp cũng như khu vực ở ngoài đê, tiếp giáp trực tiếp với phá Tam Giang - Cầu Hai, có chế độ triều rõ ràng và độ mặn cao. Tuy nhiên mức độ sinh trưởng, phát triển của cây trồng tại các khu vực có sự khác nhau. Cây Đước sinh trưởng, phát triển tốt ở các ao hồ phía ngoài đê bao ngăn mặn, nơi có độ mặn cao (>20‰), ngược lại cây Sú thích hợp, phát triển tốt hơn ở khu vực bên trong đê bao nơi có độ mặn thấp (<15‰). Cây Vẹt có khả năng thích ứng tốt với cả 02 khu vực trồng.

Kết quả này cho thấy việc trồng cây ngập mặn trong các ao nuôi thủy sản ở Rú Chá là một cách tiếp cận có nhiều tiềm năng, vừa xây dựng được các ao nuôi sinh thái để phát triển phương thức nuôi thân thiện với môi trường có hiệu quả kinh tế cao và bền vững, vừa phát triển thêm được diện tích Rú Chá để phát huy hơn nữa vai trò, giá trị về môi trường, sinh thái, cảnh quan của khu rừng này, đồng thời mở ra một hướng đi mới, nhiều tiềm năng cho hoạt động trồng rừng ngập mặn trên địa của tỉnh Thừa Thiên Huế.

10. Đầu tư ở các nước đang phát triển (cơ hội cho đối tác công-tư)

Ông **Ornello Boscolo**, Đại diện phòng Thương mại Rovigo, Vùng Veneto, Ý

Phòng Thương mại tỉnh Rovigo, vùng Veneto, là nơi đăng ký thành lập của các công ty, trong đó có công ty của tôi. Tỉnh Rovigo, nằm ở phía bắc biển Adriatic có nhiều điểm tương đồng về môi trường với vùng đầm phá Thừa Thiên Huế. Trong những năm 80, nền kinh tế của khu vực ven biển này chủ yếu là thủy sản, bắt đầu với kinh nghiệm chính là sản xuất các loài nhuyễn thể hai mảnh. Hoạt động này, với việc hợp lý hóa phương pháp nuôi đã phát triển rất mạnh vào năm 1985. Trước đó, việc sản xuất nhuyễn thể không phù hợp nhưng từ năm 1985, các tỉnh của Veneto đã được xếp hạng là một trong những nhà sản xuất hàng đầu ở Châu Âu. Hiện tượng này đã có một tác động kinh tế rất tích cực đến người dân của địa phương. Thông qua các quy chế quản lý nguồn lợi, những người thu hoạch đã tập hợp thành các hợp tác xã và hiệp hội, để từ đó họ có thể thống nhất một tiêu chuẩn đạt chất lượng, nhằm đảm bảo kết quả của sản phẩm chiếm được trên thị trường.

11. Nuôi ngao ở Việt Nam để xuất khẩu

Tiến sỹ **Francesco Paesanti**, nhà sinh học, chuyên gia nuôi nhuyễn thể

Bài trình bày sẽ giới thiệu việc nuôi nhuyễn thể ở Ý từ năm 1980, do tiến sỹ Francesco Paesanti giới thiệu, người đã có các sáng kiến kinh tế về việc nuôi nhuyễn thể hai mảnh ở các nước khác nhau trên thế giới. Đặc biệt, chuyên gia này là người chuyên về sinh sản giống hai mảnh, nuôi và thu hoạch, và đảm bảo tiêu chuẩn sạch của sản phẩm. Bài trình bày nhấn mạnh đến việc nuôi nhuyễn thể ở vùng Bắc nước Ý, ở khu vực Châu thổ sông Po. Loài được sinh sản chính là ngao *Verace Tape philippinarum*. Bài trình bày cũng sẽ giới thiệu việc tác động trong việc thay đổi về mặt kinh tế xã hội của thủy sản nhờ hoạt động nuôi nhuyễn thể, bắt đầu từ một phòng thí nghiệm sinh sản giống đến việc quản lý trang trại.

12. Các khu dự trữ sinh quyển thế giới của Việt Nam – Bảo tồn cho phát triển, phát triển để bảo tồn

GS TS Nguyễn Hoàng Trí, Tổng thư ký, UBQG MAB Việt Nam

Việt Nam đã được thế giới công nhận 8 khu dự trữ sinh quyển. Kinh nghiệm của Việt Nam về sự quản lý có sự tham gia của các ban ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và cá nhân dưới sự điều phối chung của UBND tỉnh và thành phố được thế giới đánh giá cao. Tuy nhiên, cho đến nay, việc tiếp cận mô hình trình diễn thực hiện ý tưởng “bảo tồn cho phát triển và phát triển để bảo tồn” trong phát triển bền vững còn rất nhiều hạn chế, một phần do việc điều phối mang tính liên ngành trong khi chúng ta quản lý theo ngành và lãnh thổ, phần khác do chúng ta là nước mới tham gia hội nhập quốc tế gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai. Ngoài việc trình bày chi tiết cấu trúc, chức năng khu dự trữ sinh quyển, bài báo còn đi sâu phân tích những nguyên lý chung ‘bảo tồn cho phát triển, phát triển để bảo tồn’ cũng như những kinh nghiệm thực tế trong việc đưa mô hình khu dự trữ sinh quyển vào trong sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

1. Các khu DTSQ của Việt Nam

Chỉ trong vòng 9 năm (2000-2009), Việt Nam đã gia nhập các hoạt động quốc tế trong Chương trình “Con người và Sinh quyển” với sự đóng góp 8 khu dự trữ sinh quyển thế giới (DTSQ).

Việt Nam có 8 khu dự trữ sinh quyển thế giới (DTSQ)

- Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh (khu DTSQ Cần Giờ) được thế giới công nhận ngày 21/01/2000 với tổng diện tích: 71.370 ha; dân số: 57.403 người;
- Khu dự trữ sinh quyển Cát Tiên (Khu DTSQ Cát Tiên), thuộc các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Lâm Đồng và Đắk Lắk được thế giới công nhận ngày: 10/11/2001 với tổng diện tích: 728.756 ha; dân số: khoảng 170.500 người;
- Khu dự trữ sinh quyển quần đảo Cát Bà (Khu DTSQ Cát Bà), TP Hải Phòng được thế giới công nhận ngày 02/12/2004 với tổng diện tích 26.241 ha.; dân số: 10.673 người;
- Khu dự trữ sinh quyển đất ngập nước ven biển liên tỉnh châu thổ sông Hồng (Khu DTSQ Châu thổ sông Hồng), thuộc 5 huyện Thái Thụy, Tiền Hải (Tỉnh Thái Bình); Giao Thủy, Nghĩa Hưng (Tỉnh Nam Định) và Kim Sơn (Tỉnh Ninh Bình) được thế giới công nhận ngày 02/12/2004 với tổng diện tích: 105.557 ha; 128.075 người;
- Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang, Tỉnh Kiên Giang, được thế giới công nhận ngày 27/10/2006 với tổng diện tích: 1 188 105 ha; dân số: 352 893 người;
- Khu dự trữ sinh quyển Tây Nghệ An, Tỉnh Nghệ An, được thế giới công nhận ngày 18/09/2007 với tổng diện tích: 1 303 285 ha; dân số: 473 822 người;
- Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An, Tỉnh Quảng Nam, được thế giới công nhận ngày 26/05/2009 với tổng diện tích: 33 146 ha; dân số: 83 792 người;
- Khu dự trữ sinh quyển Mũi Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, được thế giới công nhận ngày 26/05/2009 với tổng diện tích: 371 506 ha; dân số: 170.321 người.

Khu DTSQ đang là mô hình PTBV trong các nước phát triển như CHLB Đức, Pháp, Tây Ban Nha. Mặc dù nước ta mới hội nhập mạng lưới các khu DTSQ thế giới trong một vài năm nhưng chúng ta sẽ ‘đi tắt, đón đầu’ áp dụng những ý tưởng tiên tiến, cách tiếp cận hiệu quả để góp phần xây dựng các khu DTSQ của Việt Nam như những mô hình PTBV trong tương lai. các nội dung triển khai cụ thể bao gồm:

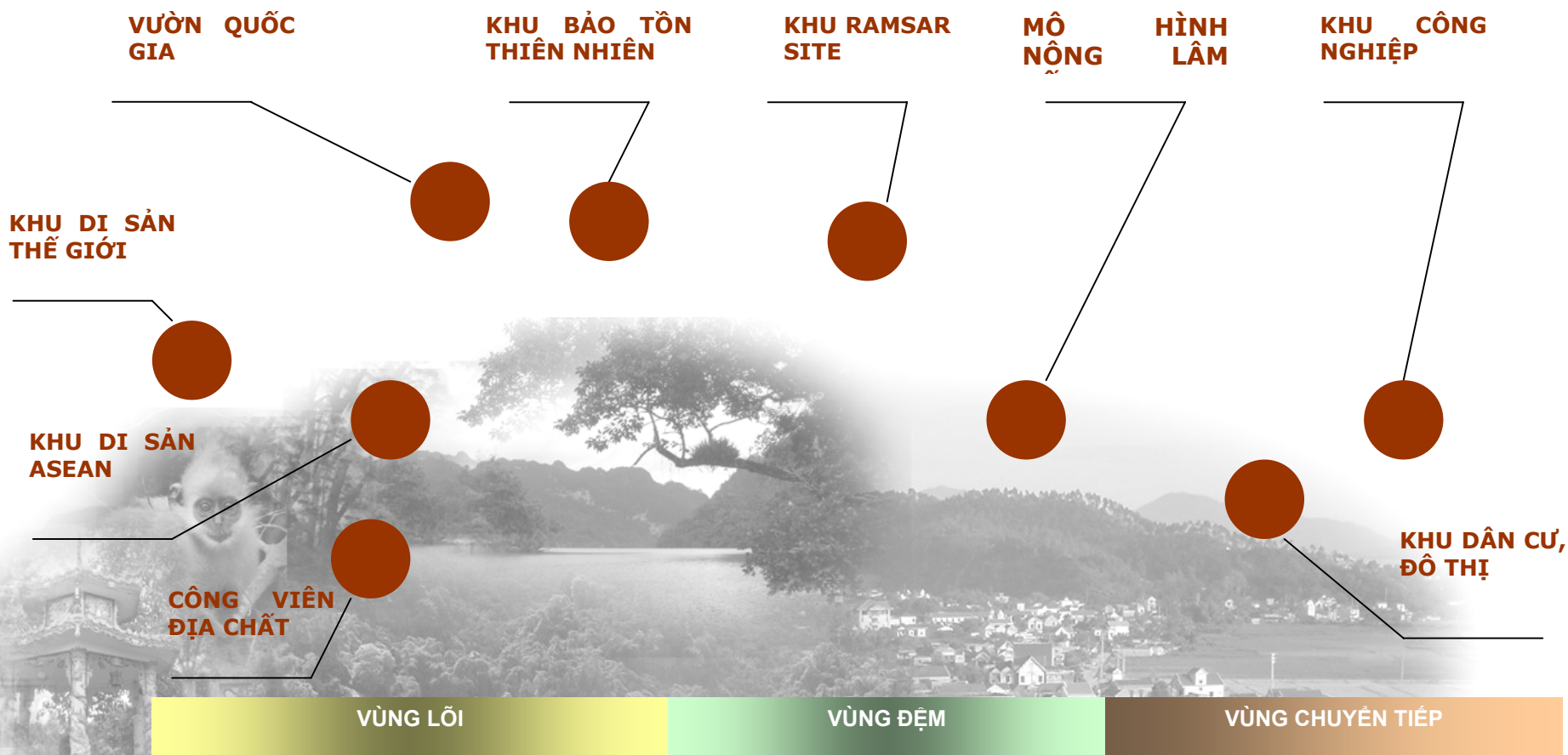
- Môi trường: Bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên (nước, năng lượng, nông nghiệp và đa dạng sinh học); Kiểm soát những tác động có hại của hiện tượng thay đổi khí hậu; Phát triển nông thôn bền vững; Đô thị hoá bền vững; Phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.
- Kinh tế: Giảm nghèo; Nâng cao tinh thần và trách nhiệm tập thể trong các hoạt động kinh tế, thương mại; Phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường và bảo đảm công bằng xã hội.
- Văn hoá-xã hội: Tôn trọng các quyền của con người; Xây dựng và duy trì hoà bình và an ninh; Thúc đẩy bình đẳng giới; Bảo vệ sự đa dạng văn hoá; Tăng cường sức khoẻ; Phòng chống HIV/AIDS; Xây dựng thể chế rõ ràng, minh bạch.

KHU DỰ TRỮ SINH QUYỂN

PHÒNG THÍ NGHIỆM HỌC TẬP CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Các khu dự trữ sinh quyển của Việt nam được xem như

các 'phòng thí nghiệm' kiểm tra những sáng kiến phát triển bền vững trong việc điều phối các hoạt động kinh tế, môi trường và xã hội, sau đó những kinh nghiệm này được chia sẻ trên phạm vi cả nước nhằm tìm ra các giải pháp và áp dụng hiệu quả.



Các hoạt động được tiến hành từ các khu bảo tồn (vùng lõi) được nhà nước qui định trong luật pháp đến các hoạt động kinh tế mang lại những lợi ích cả về mặt xã hội và môi trường trong các vùng đệm và vùng chuyển tiếp rộng lớn.



CHƯƠNG TRÌNH THÍ ĐIỂM CỦA VIỆT NAM

VĂN PHÒNG KHU ĐIỂM THÍ ĐIỂM VÀ ĐIỂM TRƯNG DIỄN VỀ QUÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Chiến lược PTBV của Việt Nam (Vietnam Agenda 21) và kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2006-2010

Phát triển công nghệ sạch, sử dụng nguồn năng lượng sinh học, giảm phát thải tối đa lượng phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Giai đoạn 1: 2006-2007: Hình thành và phát triển các đối tác

Giai đoạn 2: 2008: Thực hiện giai đoạn khởi động dự án

Giai đoạn 3: 2009 – 2013: Thực hiện giai đoạn 1 dự án, thiết kế giai đoạn 2 và 3 dựa trên các bài học kinh nghiệm của giai đoạn đầu

Giai đoạn 4: 2014-2015: Đánh giá, rút kinh nghiệm, đề xuất các

Mục tiêu thiên niên kỷ; kế hoạch đa dạng sinh học; sáng kiến 'một liên hợp quốc'...

Thập kỷ Giáo dục vì PTBV của Việt Nam: các hệ thống giáo dục chính qui, phi chính qui, các trung tâm học tập cộng đồng...

Cam kết thực hiện Công ước đa dạng sinh học, giám sát, văn hóa bản địa, truyền thống..

Giáo dục đào tạo về các mối quan hệ giữ bền đổi khí hậu, đa dạng sinh học với phát triển bền vững

BẢO TỒN ĐỂ PHÁT TRIỂN

PHÁT TRIỂN ĐỂ BẢO TỒN

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Văn phòng PTBV - Agenda 21
R. 506-508, Tòa nhà A, 2 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

ỦY BAN QUỐC GIA CHƯƠNG TRÌNH MAB VIỆT NAM

Ban Thư ký MAB Việt Nam
136 Xuân Thủy, Hà Nội, Việt nam